

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Hà Nội, năm 2019

MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	2
1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo	2
1.2. Mục tiêu đào tạo	2
1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh:	3
1.4. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.....	3
1.5. Điều kiện tốt nghiệp	3
PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	4
2.1. Kiến thức	4
2.2. Kỹ năng.....	4
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm.....	5
PHẦN 3. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA	6
PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	7
4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo	7
4.2. Chương trình đào tạo	7
4.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra	1
4.4. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)	1
4.5. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần	4
4.6. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình	19

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình:
 - Tiếng Việt: **Quản trị kinh doanh**
 - Tiếng Anh: **Business Administration**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**
- Mã số: **7340101**
- Thời gian đào tạo: **4 năm**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp
 - Tiếng Việt: **Cử nhân Quản trị kinh doanh**
 - Tiếng Anh: **Bachelor of Business Administration**

1.2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh đạt được các mục tiêu sau:

1.2.1. Mục tiêu chung

MT1: Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có chuyên môn sâu về quản trị kinh doanh tổng hợp và quản trị bất động sản. Có kiến thức và năng lực vững vàng về lý thuyết lẫn thực hành đáp ứng yêu cầu của việc phát triển doanh nghiệp một cách bền vững. Đồng thời có kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, có phẩm chất tốt, có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

MT2: Kiến thức

Đào tạo cử nhân quản trị kinh doanh có kiến thức chuyên sâu về Quản trị kinh doanh, Quản trị kinh doanh bất động sản như: Quản trị chiến lược, Quản trị nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị marketing, Quản trị rủi ro, Quản trị dự án đầu tư, Quản trị chất lượng, Chiến lược kinh doanh bất động sản, Thị trường bất động sản, Môi giới bất động sản, Quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản, Quy hoạch sử dụng đất, Quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản, Kiến trúc đô thị và cảnh quan,... Có kiến thức thực tế và biết vận dụng vào để giải quyết các công việc phức tạp trong doanh nghiệp; tích lũy được khối lượng kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực quản trị kinh doanh để phát triển kiến thức mới từ đó có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

MT3: Kỹ năng

Có kỹ năng vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công việc như: Xây dựng, tổ chức và thực hiện hiệu quả các kế

hoạch kinh doanh; Đưa ra quyết định đúng đắn, kịp thời; Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Quản trị kinh doanh bất động sản.

MT4: Thể hiện được khả năng tổ chức, quản lý, làm việc theo nhóm

MT5: Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình;

MT6: Phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe

Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm công dân; có khả năng tìm việc làm, có sức khỏe phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước.

MT7: Đủ khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh:

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội theo từng năm.

1.4. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

1.5. Điều kiện tốt nghiệp

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Kiến thức

KT1: Kiến thức Đại cương

Hiểu được những nguyên lí, kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam để vận dụng trong ngành quản trị kinh doanh. Phân tích được những kiến thức cơ bản của các khoa học thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội vận dụng trong quản trị doanh nghiệp.

KT2: Kiến thức Cơ sở ngành

Vận dụng được những kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, địa lí, khoa học công nghệ, luật pháp,... trong lĩnh vực kinh doanh và góp phần tích cực vào nghiên cứu, phát triển doanh nghiệp một cách bền vững.

Áp dụng được các kiến thức về lĩnh vực kinh tế, quản trị, marketing, tài chính, kế toán, thống kê, tài nguyên và môi trường làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu.

KT3: Kiến thức chuyên sâu

Vận dụng các kiến thức vào thực tế công việc chuyên môn ngành Quản trị kinh doanh, theo hai hướng chuyên sâu Quản trị kinh doanh bất động sản và Quản trị kinh doanh tổng hợp; có kỹ năng nghề nghiệp về lĩnh vực Quản trị kinh doanh, theo hai hướng chuyên sâu Quản trị kinh doanh bất động sản và Quản trị kinh doanh để tổng hợp để giải quyết các vấn đề thực tế.

KT4: Kiến thức Ngoại ngữ và Tin học

+ Đạt trình độ tiếng Anh bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc đạt chứng chỉ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu và tương đương.

+ Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và tương đương do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch.

+ Sử dụng được Internet và một số phần mềm chuyên ngành để phục vụ tốt yêu cầu công việc.

2.2. Kỹ năng

KN1: Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề: Tìm hiểu, xác định nguyên nhân vấn đề, đề xuất các giải pháp, ra quyết định, lựa chọn giải pháp tối ưu nhất thông qua phân tích, tính toán;

KN2: Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức: Nghiên cứu tài liệu, thu thập, xử lý thông tin về lĩnh vực quản trị kinh doanh tổng hợp và quản trị kinh doanh bất động sản;

KN4: Khả năng điều hành, quản lý công việc: Xây dựng và điều phối công việc có tính khoa học, hợp lý; tham gia tư vấn cho các cá nhân, tổ chức trong lĩnh vực quản trị kinh doanh tổng hợp và quản trị kinh doanh bất động sản;

KN5: Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn: Xây dựng, quản lý các dự án đầu tư bất động sản; quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản; quy hoạch các khu đô thị. Thu thập thông tin, phân tích, dự báo, tham gia thực hiện và kiểm tra kế hoạch kinh doanh; tư vấn thiết kế bộ máy quản lý doanh nghiệp phù hợp với từng lĩnh vực kinh doanh; Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đề xuất, tham mưu cho lãnh đạo các biện pháp quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

NL1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

NL2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

NL3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

NL4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

PHẦN 3. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO						
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7
Kiến thức	KT1	x				x		
	KT2	x		x				x
	KT3		x	x	x		x	x
	KT4			x	x			
Kỹ năng	KN1	x	x	x	x		x	
	KN2	x				x		x
	KN3	x	x	x	x			x
	KN4		x	x	x	x		x
	KN5	x	x	x	x	x	x	x
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	NL1	x				x	x	x
	NL2	x	x		x	x	x	x
	NL3	x		x		x		x
	NL4	x			x	x	x	x

PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	132
Trong đó:	
- Khối kiến thức Giáo dục đại cương (Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN)	27
- Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	105
• Kiến thức cơ sở ngành	20
• Kiến thức ngành	73
+ <i>Bắt buộc:</i>	65
+ <i>Tự chọn:</i>	08
• Kiến thức thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	12

4.2. Chương trình đào tạo

Ký hiệu: - LT : Lý thuyết

- TL, TH, TT: Thảo luận, thực hành, thực tập

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
I. Kiến thức giáo dục đại cương								
I.1. Lý luận chính trị								
1	LTML2101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Leenin về triết học. Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.	02	22	08	60	
2	LTML2102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học. Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.	03	32	13	90	
3	LTTT2101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trình bày, phân tích được những	02	21	09	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại.					
4	LTĐL2101	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích được nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam và đánh giá được kết quả thực hiện đường lối đó. Vận dụng được kiến thức đã học và giải quyết một số vấn đề lý luận chính trị - xã hội.	03	32	13	90	
I.2	Khoa học xã hội							
5	KTQU2151	Kỹ năng mềm	Trình bày các kiến thức, kỹ năng như kỹ năng giao tiếp bằng cách sử dụng các phương tiện giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để đạt hiệu quả cao. Vận dụng kỹ năng trong quá trình làm việc nhóm như kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tư duy, kỹ năng giải quyết các xung đột... Người học tự phân tích, tổng hợp, đánh giá các kiến thức đã học trong quá trình tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường.	02	19	11	60	
6	LTPL2101	Pháp luật đại	Trình bày được các nội dung:	02	20	10	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
		ương	Những kiến thức cơ bản nhất về Nhà nước, pháp luật nói chung; và nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau.					
I.3	Ngoại ngữ							
7	NNTA2101	Tiếng Anh 1	+ Ngữ âm: Sinh viên có thể phát âm được rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng với người tham gia hội thoại có thể hiểu. + Ngữ pháp: Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức. + Từ vựng: có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với tình huống và chủ đề quen thuộc.	03	08	37	90	
8	NNTA2102	Tiếng Anh 2	Trình bày và vận dụng kiến thức cơ bản về các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.	03	06	39	90	
9	NNTA2103	Tiếng Anh 3	* Ngữ âm: sinh viên có thể phát âm rõ ràng theo hướng dẫn và tự	02	06	24	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			tin hơn trong các hội thoại có hướng dẫn trong và ngoài lớp. *Ngữ pháp: có vốn kiến thức cơ bản và nâng cao về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như cuộc sống truyền thống và hiện đại, các vấn đề về sức khỏe, các vật dụng cá nhân và trong gia đình, thông tin cá nhân, mô tả người quen và trao đổi những trải nghiệm. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo cấu trúc câu. * Từ vựng: có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp cơ bản và nâng cao hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.					
I.4	Khoa học tự nhiên – Tin học							
10	CTKH2151	Tin học đại cương	Trình bày các kiến thức cơ bản về thông tin, công cụ xử lý thông tin, áp dụng được các phần mềm thông dụng ứng dụng hỗ trợ trong công tác văn phòng, và khai thác Internet. Vận dụng được các kỹ năng có thể sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng để có thể: soạn thảo tài liệu, quản lý dữ liệu qua các bảng tính, trình chiếu, khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và	02	20	10	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			liên lạc qua thư điện tử, tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết vấn đề thông dụng.					
11	KDTO2108	Toán cao cấp	Trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành kế toán, bất động sản, quản trị kinh doanh, kinh tế tài nguyên ở trình độ đại học và trình độ cao hơn.	03	25	20	90	
I.5 Giáo dục thể chất					5			
1.3 Giáo dục quốc phòng - an ninh					8			
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
II.1 Kiến thức cơ sở ngành								
Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc								
12	KTKH2301	Kinh tế vi mô	Hiểu được những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.	03	33	12	90	
13	KTKH2302	Kinh tế vĩ mô	Trình bày được các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu	03	35	10	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở.					
14	KTPT2301	Nguyên lý thống kê kinh tế	Hiểu được kiến thức cơ bản như: thu thập thông tin thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê, các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng, các phương pháp phân tích thống kê và các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng.	02	19	11	60	
15	KTKE2501	Nguyên lý kế toán	Sau khi kết thúc học phần sinh viên cần hiểu và vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình.	03	30	15	90	
16	MNT101	Quản trị học	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu được các vấn đề căn bản về quản trị như: Các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin trong quản trị, vận dụng vào bốn chức năng cơ bản của quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Từ đó phân tích, tổng hợp, đánh giá vào hoạt động quản trị của các doanh nghiệp.	03	36	09	90	
17	BMA202	Marketing	Sau khi kết thúc học phần người	02	24	06	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
		căn bản	học hiểu được các vấn đề căn bản về Marketing như: Một số khái niệm cơ bản về marketing, vai trò, chức năng và phân loại marketing; Xác định thị trường mục tiêu và phân khúc thị trường; Phân tích được hành vi của khách hàng. Từ đó tổng hợp, đánh giá chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến của doanh nghiệp.					
18	KTTC2304	Tài chính - Tiền tệ	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, nguồn tài chính và hệ thống tài chính; Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước, vấn đề thu - chi và cân đối Ngân sách Nhà nước; hiểu được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính. Bên cạnh đó, sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.	02	24	06	60	
19	KTTC2305	Định giá bất	Sau khi kết thúc học phần người	02	19	11	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
		động sản	học cần hiểu được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, mục đích, vai trò và nguyên tắc định giá bất động sản; Vận dụng được các phương pháp định giá phù hợp để xác định giá trị các loại bất động sản; Nắm được quy trình định giá, các nội dung của hồ sơ định giá, các tiêu chuẩn thẩm định giá tài sản và hiểu về pháp luật trong hoạt động định giá bất động sản. Phân tích được ưu điểm và nhược điểm của từng phương pháp định giá để từ đó lựa chọn được phương pháp định giá phù hợp giúp xác định và ước tính giá trị bất động sản cần thẩm định giá.					
II.2 Kiến thức ngành								
Kiến thức ngành bắt buộc								
20	KTQU2508	Quản trị kinh doanh	Sau khi kết thúc học phần người học biết, hiểu kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh bao gồm: đối tượng nghiên cứu quản trị kinh doanh, kinh doanh từ đó phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh, hiệu quả kinh doanh. Vận dụng vào hoạt động quản trị kinh doanh trong các doanh nghiệp hiện đại.	03	35	10	90	
21	KTQU2591	Quản trị chiến lược	Sau khi học xong học phần người học hiểu được: nắm vững kiến thức về quản trị chiến lược, môi trường kinh doanh, lợi thế	03	36	09	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			cạnh tranh và chiến lược của doanh nghiệp. Phân tích, đánh giá về việc lựa chọn và thực hiện các chiến lược mà còn đánh giá và điều chỉnh chiến lược trong doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.					
22	KTQU2510	Quản trị Marketing	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu được những kiến thức kỹ năng trong việc hoạch định, xây dựng các chính sách chương trình marketing cho doanh nghiệp trên cơ sở phân tích dự báo thị trường; các kỹ năng marketing để phân tích, đánh giá thực thi chiến lược marketing trong doanh nghiệp.	02	23	07	60	
23	KTQU2511	Quản trị tác nghiệp	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu kiến thức cơ bản về công tác hoạch định và tổ chức quá trình sản xuất trong doanh nghiệp; trình bày các nguyên tắc và phân tích quá trình ra quyết định cho một hệ thống sản xuất tối ưu. Từ đó phân tích, đánh giá, tổng hợp các nội dung về dự báo cầu sản phẩm, thiết kế hệ thống sản xuất và cung cấp dịch vụ, hoạch định năng lực sản xuất, lựa chọn địa điểm, bố trí mặt bằng sản xuất, lập kế hoạch nguyên vật liệu, lên kế hoạch dự trữ.	03	36	09	90	
24	HRM 203	Quản trị nguồn nhân lực	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu các kiến thức cơ bản về quản trị nguồn nhân lực, mối	03	36	09	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			quan hệ của quản trị nguồn nhân lực với các hoạt động khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các hướng tiếp cận về quản trị nguồn nhân lực, phân tích công việc. Từ đó vận dụng vào hoạt động hoạch định nguồn nhân lực, lập kế hoạch hóa nguồn nhân lực, quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực.					
25	KTTC2506	Quản trị tài chính	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu được được những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính nhằm mục đích gia tăng giá trị của công ty. Sau khi học xong học phần này, người học có thể phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp; quản lý tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp; huy động và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; phân bổ vốn và các quyết định về đầu tư; xây dựng chính sách phân phối lợi nhuận phù hợp với doanh nghiệp ở từng giai đoạn; đọc được các báo cáo tài chính và sử dụng thông tin tài chính trong quá trình ra quyết định	03	30	15	90	
26	KTQU2513	Quản trị dự án đầu tư	Sau khi nghiên cứu học phần Quản trị dự án đầu tư người học trình bày được những kiến thức cơ bản về dự án đầu tư như: Tổng quan về dự án đầu tư; quá trình lập một dự án đầu tư; thẩm	03	32	13	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			định một dự án đầu tư; quản lý dự án đầu tư. Phân tích và xây dựng các mô hình; các yêu cầu và giới hạn mục tiêu của quản lý dự án; khái quát hóa vấn đề và xác định được mục tiêu cốt lõi cần giải quyết trong quá trình quản trị dự án. Vận dụng các lý thuyết về thiết kế, kế toán, dự toán, quản lý dự án... để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản trị dự án.					
27	KTQU2514	Kinh doanh quốc tế	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu được những kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế; phân tích ảnh hưởng các yếu tố môi trường vĩ mô đến kinh doanh quốc gia; môi trường thương mại và đầu tư toàn cầu. Sau khi kết thúc môn học, người học tự phân tích, tổng hợp, đánh giá và đưa ra được chiến lược kinh doanh quốc tế; các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế.	02	22	08	60	
28	KTQU2515	Hệ thống tin quản lý	Sau khi nghiên cứu học phần người học cần hiểu được những kiến thức cơ bản về thông tin và hệ thống thông tin quản lý, cơ sở tổ chức hệ thống thông tin quản lý. Từ đó phân tích các phương pháp quản lý hệ thống thông tin quản lý. Sau khi học người học tự tổng hợp, đánh giá về việc xây	03	36	09	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			dựng kế hoạch thiết kế hệ thống thông tin, hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp, quản lý và phát triển hệ thống thông tin.					
29	KTKN2507	Hệ thống kiểm soát nội bộ	Sau khi kết thúc học phần nắm được bản chất, vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp. Hiểu được nội dung các quy trình kiểm soát nội bộ chủ yếu trong doanh nghiệp. Vận dụng được các kiến thức đã học để xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp.	03	32	13	90	
30	KTQU2589	Kỹ năng quản trị	Sau khi kết thúc học phần, người học hiểu được kiến thức cơ bản về nhóm kỹ năng quản trị, các nhóm kỹ năng cá nhân như kỹ năng tư duy, kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, những kỹ năng quan hệ với con người. Từ đó vận dụng, phân tích, đánh giá các kỹ năng chuyên biệt cho nghề quản trị như phân tích báo cáo tài chính, xây dựng thương hiệu, lập kế hoạch, ra quyết định.	02	21	9	60	
31	KTKE2523	Kế toán tài chính	Sau khi kết thúc học phần hiểu được những kiến thức cơ bản về hạch toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm – dịch vụ, xác định kết quả	03	30	15	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,... trong doanh nghiệp sản xuất. Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản.					
32	KTQU2592	Kiến tập	Sau khi kết thúc học phần người học cần hiểu được các kiến thức về các môn cơ sở chuyên ngành quản trị kinh doanh. Vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học về hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp được kiến tập. Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.	04		30 ng ày	90	
33	KTQU2593	Thực hành nghề nghiệp	Sau khi kết thúc học phần người học cần hiểu được các kiến thức về các môn cơ sở chuyên ngành quản trị kinh doanh. Sau quá trình quan sát, học hỏi tại doanh nghiệp thực hành nghề nghiệp, người học tự phân tích, tổng hợp, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp thực tập.	04		30 ng ày	90	
II.3 Thực tập và khóa luận tốt nghiệp								
34	KTQU2719	Thực tập tốt nghiệp	Sau khi kết thúc học phần người học cần hiểu được các kiến thức về các môn cơ sở chuyên ngành quản trị kinh doanh. Sau quá trình quan sát, học hỏi tại doanh	06		90	180	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			nghiệp thực tập tốt nghiệp, người học tự phân tích, tổng hợp, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp thực tập.					
35	KTQU2820	Khóa luận tốt nghiệp	Sau khi kết thúc học phần người học cần hiểu được toàn bộ kiến thức cơ bản về chuyên ngành quản trị kinh doanh và quản trị kinh doanh bất động sản. Sau đó người học thể hiện những phân tích, tổng hợp đánh giá và đưa những nhận định của mình vào khóa luận tốt nghiệp.	06		90	180	
II.4 Khối kiến thức chuyên sâu								
II.4.1 Quản trị kinh doanh bất động sản								
36	QĐQN2551	Quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản	Sau khi kết thúc học phần người học cần hiểu được những kiến thức cơ bản về Quản lý Nhà nước đất đai và bất động sản, Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam, Quản lý hành chính nhà nước, Nội dung Quản lý Nhà nước về đất đai và bất động sản giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện từ đó người học tự phân tích, tổng hợp, đánh giá để nghiên cứu Quản lý Nhà nước về đất đai và bất động sản.	03	30	15	90	
37	QĐKD2552	Quy hoạch sử dụng đất	Sau khi kết thúc học phần Người học hiểu được kiến thức cơ bản về quy hoạch sử dụng đất cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quy hoạch sử dụng đất như: cơ sở khoa học của quy hoạch sử dụng đất, các phương pháp và công nghệ được	02	18	12	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất. Từ đó vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá các kiến thức cơ bản đó vào việc quy hoạch sử dụng đất bền vững tại Việt Nam trong thời điểm hiện nay trong các văn bản pháp luật, các quan điểm, chỉ thị trong quy hoạch.					
38	KTQĐ2503	Quản lý khu đô thị	Sau khi kết thúc học phần Người học cần hiểu được kiến thức cơ bản về quản lý đô thị bao quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị, phân tích những nguyên tắc và phương pháp cơ bản trong quản lý đô thị, cơ sở pháp lý về quản lý xây dựng theo quy hoạch. Vận dụng, phân tích và đánh giá Luật giải quyết được một số tình huống trong quản lý nhà nước về đất đai và soạn thảo được 1 số loại văn bản QPPL, VB quản lý hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Vận dụng những công cụ quản lý nhà nước để quản lý bất động sản phù hợp với điều kiện ở Việt Nam.	03	33	12	90	
39	KTQĐ2504	Kiến trúc đô thị và cảnh quan	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu được những nguyên tắc cơ bản thiết kế, quy hoạch, các dạng bố cục, quy tắc sắp xếp và quy luật, quy trình trong thiết kế đô thị và cảnh quan. Từ đó vận	02	23	07	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			dụng, phân tích, tổng hợp đánh giá vào thực tế kiến trúc đô thị.					
40	QĐQN2555	Đăng ký, thống kê đất đai và bất động sản	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu được kiến thức và kỹ năng trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến đăng ký , thống kê đất đai và bất động sản. Sau khi học xong học phần này sinh viên vận dụng các quy trình, thủ tục, quy định trong việc thống kê đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, xây dựng quy trình lập hồ sơ địa chính. Đồng thời người học phân tích, tổng hợp, đánh giá được cách thức giải quyết trong các trường hợp có sự biến động sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc chỉnh lý hồ sơ địa chính.	02	20	10	60	
41	KTQU2521	Quản lý điều hành sàn giao dịch và môi giới bất động sản	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết, hiểu được những kiến thức nền tảng về quản lý sàn giao dịch bất động sản và hoạt động môi giới bất động sản. Từ đó vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá các quy trình và kỹ năng môi giới bất động sản, các văn bản pháp luật trong kinh doanh bất động sản vào thực tế hoạt động của các doanh nghiệp bất động sản.	03	36	09	90	
42	KTQU2522	Kinh doanh bất động sản	Sau khi kết thúc học phần người học cần hiểu những kiến thức cơ bản về bất động sản và thị trường bất động sản. Người học	03	36	09	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			tự phân tích các vấn đề liên quan đến cầu bất động sản, các vấn đề liên quan đến cung bất động sản. Từ đó phân tích, tổng hợp, đánh giá vào thực tế hoạt động kinh doanh tại các doanh nghiệp bất động sản.					
43	KTQU2523	Thị trường bất động sản	Sau khi kết thúc học phần người học cần hiểu được những kiến thức về hệ thống pháp luật về thị trường bất động sản, hệ thống thông tin trong thị trường bất động sản. Từ đó vận dụng, phân tích, đánh giá cách xác định giá thành, giá trị bất động sản và thống kê, hồ sơ đăng ký bất động sản.	03	35	10	90	
44	KTQU2594	Tổ chức thi công xây dựng	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết và hiểu những kiến thức và kỹ năng trong việc tổ chức thi công xây dựng các công trình như công tác thiết kế tổ chức thi công, lập kế hoạch tiến độ thi công các công trình, vận dụng vào việc tổ chức các nghiệp vụ hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất trên công trường xây dựng như kho bãi, giao thông, tổ chức quản lý lao động trên công trường với mục tiêu an toàn, văn minh, chất lượng. Từ đó phân tích, tổng hợp, đánh giá vào thực tế tổ chức thi công xây dựng các doanh nghiệp bất động sản.	03	36	09	90	
II.4.2 Quản trị kinh doanh tổng hợp								
45	KTQU2525	Khởi sự và tái	Sau khi kết thúc học phần người	03	36	09	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
		lập doanh nghiệp	học cần biết và hiểu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về khởi tạo doanh nghiệp, thành lập doanh nghiệp và các thủ tục pháp lý có liên quan, tổ chức doanh nghiệp. Từ đó vận dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá vào thực tế xây dựng kế hoạch kinh doanh, đồng thời người học triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.					
46	KTQU2526	Quản trị chất lượng	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết và hiểu những kiến thức tổng quát về chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm. Vận dụng những kiến thức đó vào việc phân tích các phương pháp quản lý chất lượng; Các kỹ thuật và công cụ quản lý chất lượng; Các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn; Phương pháp quản lý chất lượng toàn diện – TQM; Quản lý chất lượng trong một số loại hình doanh nghiệp. Từ đó người học tự tổng hợp, đánh giá các kiến thức về quản lý chất lượng vào công việc thực tế, nâng cao chất lượng, uy tín cho doanh nghiệp.	03	36	09	90	
47	KTQU2527	Phân tích kinh doanh	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết và hiểu các kiến thức về phương pháp phân tích tình hình hoạt động kinh tế của doanh nghiệp. Các phương pháp phân tích này được áp dụng trực	03	34	11	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			tiếp vào các loại doanh nghiệp để phân tích, đánh giá tìm ra nguyên nhân tác động đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm giúp cho nhà quản trị, chủ sở hữu công ty và chủ nợ lường trước những khó khăn và thuận lợi của công ty, để từ đó đưa ra quyết định đúng đối với công ty.					
48	KTQU2303	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết và hiểu những kiến thức chung nhất về hợp đồng kinh tế được sử dụng trong kinh doanh: cung cấp quy trình về kí kết, thực hiện hợp đồng cũng như các trách nhiệm liên quan trong hợp đồng. Từ những kiến thức được học người học sẽ vận dụng, phân tích, đánh giá và tự thực hành một số loại hợp đồng được sử dụng trong kinh doanh như: hợp đồng mua bán, hợp đồng vận chuyển, hợp đồng kinh tế dịch vụ và hợp đồng kinh tế trong liên kết kinh doanh.	02	20	10	60	
49	KTQU2595	Quản trị sự thay đổi	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết và hiểu những kiến thức cần thiết về sự thay đổi như: khái niệm thay đổi, những áp lực khiến cho tổ chức phải thay đổi... Vận dụng các mô hình quản trị sự thay đổi, quy trình quản trị sự thay đổi, những phản ứng của các cá nhân trong tổ chức trước những thay đổi. Từ	03	31	14	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			đó, người học tự phân tích, tổng hợp, đánh giá các kiến thức về quản trị sự thay đổi để lập được kế hoạch cho sự thay đổi, theo dõi, kiểm soát quá trình thay đổi, đưa ra những chiến lược ứng phó với thay đổi trong tổ chức để đảm bảo hiệu quả cho tổ chức trong quá trình thay đổi.					
50	KTQU2529	Quản trị công nghệ	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết và hiểu kiến thức và kỹ năng trong việc đánh giá, công nghệ cũng như phân tích năng lực công nghệ dưới góc độ của nhà quản trị. Vận dụng, phân tích, đánh giá để đưa ra các phương án, hướng dẫn cách thức chuyển giao hoặc đổi mới công nghệ một cách khoa học phù hợp với điều kiện của tổ chức và sự phát triển của xu thế trên thế giới.	02	22	08	60	
51	KTQU2530	Quản trị văn phòng	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết và hiểu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị văn phòng. Từ đó vận dụng vào hoạt động quản trị văn phòng, soạn thảo và lưu trữ văn bản. Người học tự phân tích, tổng hợp và đánh giá một số nghiệp vụ cơ bản của văn bản, công tác lưu trữ hồ sơ vào công việc trong tương lai.	03	36	09	90	
52	KTQU2531	Quản trị chuỗi cung	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết, hiểu các kiến thức,	03	36	09	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
		ứng	kỹ năng về quản trị chuỗi cung ứng. Thông qua học phần người học cần vận dụng vào thiết kế, tổ chức chuỗi cung ứng hàng hóa, tổ chức hoạt động dự trữ hàng hóa, kho bãi, vận chuyển, đóng gói xếp dỡ hàng hóa. Từ đó người học tự phân tích, đánh giá, lường hiệu quả mang lại từ chuỗi cung ứng.					
53	KTQU2532	Quản trị rủi ro	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu những kiến thức khái quát về các loại rủi ro trong hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp có thể gặp phải và cách thức quản trị các loại rủi ro. Vận dụng những kiến thức cơ bản vào hoạt động phân tích, tổng hợp, đánh giá cách thức đo lường, chuyển đổi các rủi ro nhằm mục tiêu giúp doanh nghiệp có khả năng thích ứng, không chế hoặc biến rủi ro thành cơ hội trong hoạt động kinh doanh của mình.	02	22	08	60	
III. Khối kiến thức tự chọn, thay thế đồ án tốt nghiệp								
III.1 Khối kiến thức tự chọn								
1	KTQU2616	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết và hiểu các vấn đề đạo đức trong kinh doanh và văn hóa trong môi trường doanh nghiệp. Người học cần vận dụng kiến thức đã học vào việc phân tích, tổng hợp, đánh giá các nguyên nhân và cách thức con người ứng xử, xác lập các quan	02	22	08	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			điểm, quy tắc ứng xử, các hành vi, nghĩa vụ, giải quyết các mâu thuẫn. Từ đó người học tự đề ra những qui định, những chính sách nhằm tạo lập bản sắc văn hóa doanh nghiệp, xây dựng phong cách quản lý, định hướng đạo đức để quản lý doanh nghiệp có hiệu quả hơn.					
2	KTQU2633	Tiếng anh ngành Quản trị kinh doanh	Sau khi kết thúc học phần người học cần biết, hiểu những nội dung liên quan đến các lĩnh vực quản trị kinh doanh hiện đại như: cấu trúc của tổ chức, lãnh đạo, sự cạnh tranh, sự nhận biết các nền văn hóa phục vụ cho hoạt động quản trị kinh doanh, đạo đức kinh doanh. Vận dụng những kiến thức đã học, người học tự phân tích, tổng hợp và đánh giá hoạt động quản trị kinh doanh với những sự đổi mới cần thiết.	02	08	22	60	
3	KTQU2634	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Sau khi kết thúc học phần người học biết, hiểu kiến thức, kỹ năng khái quát nhất về giao dịch và đàm phán trong kinh doanh. Người học vận dụng các nguyên tắc trong giao dịch đàm phán, các kiểu đàm phán trong kinh doanh tự phân tích các ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý, văn hóa, xã hội trong quá trình giao dịch đàm phán với đối tác. Phân tích, tổng hợp, đánh giá vào giao dịch đàm phán đồng thời xây	02	22	08	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			dựng tiến trình đàm phán và kỹ thuật đột phá thể gắng trong quá trình đàm phán hay gặp phải.					
4	KTKB2402	Kinh tế tài nguyên biển	Sau khi kết thúc học phần người học Kinh tế Tài nguyên Biển nghiên cứu tài nguyên biển theo cách tiếp cận kinh tế tài nguyên. Theo đó, học phần tập trung làm rõ những vấn đề như: Khái niệm, phân loại tài nguyên biển; Vai trò của tài nguyên biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, đặc điểm của kinh tế tài nguyên biển và tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên biển; Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên biển hiện nay.	02	27	03	60	
5	KTTM2301	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Sau khi kết thúc học phần người học cung cấp các khái niệm cơ bản về kinh tế tài nguyên môi trường như ngoại ứng, thuế ô nhiễm tối ưu, thị trường Quota ô nhiễm, đường cong tăng trưởng của tài nguyên, khả năng khai thác tài nguyên bền vững... và vấn đề ứng dụng hệ thống thông tin trong quản lý tài nguyên và môi trường.	02	23	07	60	
6	KTKH2403	Kinh tế đầu tư	Sau khi kết thúc học phần người học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển như bản chất đầu tư phát triển, các nguồn hình thành vốn đầu tư, quản lý đầu tư. Bên cạnh đó, học phần còn làm rõ cơ sở khoa học và nội dung cơ bản	02	22	8	60	22

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			của lập, thẩm định dự án đầu tư cũng như đấu thầu trong các dự án đầu tư và quản lý đầu tư. Đặc biệt, học phần cung cấp hệ thống các chỉ tiêu để phân tích, đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển.					
7	KTKH2404	Kinh tế phát triển	Sau khi học nghiên cứu học phần học phần giúp sinh viên hiểu được những lý thuyết cơ bản cũng như những kiến thức thực tế về quá trình tăng trưởng và phát triển ở các nước này. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể phân tích và đánh giá được thực trạng nền kinh tế và quá trình phát triển của các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển kinh tế Việt Nam một cách bền vững.	02	24	6	60	
8	KTPT2302	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu phục vụ quản lý và kinh doanh như: xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực	02	24, 5	3, 5	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			quản lý và kinh doanh.					
9	KTQU2506	Thương mại điện tử	Sau khi kết thúc học phần, người học hiểu kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và hệ thống thanh toán trong thương mại internet; vấn đề an ninh, bảo mật trong thương mại điện tử và các mô hình giao dịch trong thương mại điện tử hiện nay.	02	24	06	60	
10	KTPT2404	Tin học ứng dụng	Sau khi nghiên cứu học phần tin học ứng dụng, người học phải trình bày được những kiến thức ứng dụng phần mềm Excel cơ bản trong tổng hợp, xử lý và phân tích các số liệu điều tra. Vận dụng các tiện ích của phần mềm Excel để phân tích các số liệu thống kê và làm các công việc trong công tác quản lý.	02	13	17	60	
11	KTPT2405	Phân tích định lượng	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu được cách xây dựng được các mô hình, phân tích mô hình và nâng cao tư duy để đánh giá và dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội qua mô hình kinh tế. Vận dụng toán kinh tế, mô hình kinh tế và dự báo để áp dụng vào trong thực tiễn kinh tế và cụ thể là hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm đưa ra các chiến lược,	02	17	13	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TL, TH	Tự học	
			chính sách và dự báo được các hiện tượng kinh tế xã hội.					
III.2 Khối kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp								
1	KTQU2835	Đầu tư và tài chính bất động sản	Sau khi kết thúc học phần, người học hiểu những kiến thức về tổng quan về đầu tư và tài chính bất động sản và quy trình nghiệp vụ về đầu tư bất động sản. Vận dụng các phương pháp và nguyên tắc đầu tư, tài chính bất động sản vào việc phân tích, tổng hợp, đánh giá để đưa ra các quyết định đầu tư bất động sản.	03	34	11	90	
2	KTQU2836	Quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản	Sau khi kết thúc học phần, người học hiểu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản vận dụng vào việc tạo lập doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, hoạch định chiến lược kinh doanh bất động sản, quản trị nhân lực, quản trị tài chính, quản trị marketing trong doanh nghiệp kinh doanh bất động sản. Từ đó người học tự phân tích, tổng hợp, đánh giá phục vụ hoạt động nghề nghiệp tương lai.	03	36	09	90	

4.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra

CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		Chuẩn đầu ra												
		Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	NL1	NL2	NL3	NL4		
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương														
I.1. Lý luận chính trị														
LTML2101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	X				X	X	X			X		X	
LTML2102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	X				X	X	X			X		X	
LTTT2101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X				X	X	X			X			
LTĐL2101	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	X				X	X	X			X		X	
I.2. Khoa học xã hội														
KTQU2151	Kỹ năng mềm	X							X	X	X	X		
LTPL2101	Pháp luật đại cương	X									X		X	
I.3. Ngoại ngữ														
NNTA2101	Tiếng Anh 1	X		X		X					X			
NNTA2102	Tiếng Anh 2	X				X		X				X		
NNTA2103	Tiếng Anh 3	X		X		X					X			
I.4. Khoa học tự nhiên, tin học														
CTKH2151	Tin học đại cương	X						X		X				
KDTO2108	Toán cao cấp	X												
I.5. Giáo dục thể chất													X	
I.6. Giáo dục quốc phòng-an ninh											X	X		

CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		Chuẩn đầu ra												
		Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	NL1	NL2	NL3	NL4		
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp														
II.1. Kiến thức cơ sở ngành														
Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc														
KTKH2301	Kinh tế vi mô		X							X		X		
KTKH2302	Kinh tế vĩ mô									X				
KTPT2301	Nguyên lý thống kê kinh tế									X		X		
KTKE2501	Nguyên lý kế toán									X		X		
MNT101	Quản trị học									X	X	X		
BMA202	Marketing căn bản									X		X		
KTTC2304	Tài chính - Tiền tệ		X							X		X		
KTTC2305	Định giá bất động sản		X							X		X		
II.2. Kiến thức ngành														
Kiến thức ngành bắt buộc														
KTQU2508	Quản trị kinh doanh		X			X	X	X	X		X			
KTQU2591	Quản trị chiến lược *		X			X	X	X	X					
KTQU2510	Quản trị Marketing		X			X	X	X	X			X		
KTQU2511	Quản trị tác nghiệp		X			X	X	X	X					
HRM 203	Quản trị nguồn nhân lực *		X			X	X	X	X	X				
KTTC2506	Quản trị tài chính *		X			X	X	X	X	X				
KTQU2513	Quản trị dự án đầu tư		X			X	X	X	X	X				
KTQU2514	Kinh doanh quốc tế		X			X	X	X	X	X				

CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		Chuẩn đầu ra												
		Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	NL1	NL2	NL3	NL4		
KTQU2515	Hệ thống thông tin quản lý		X			X	X	X	X		X			
KTKN2507	Hệ thống kiểm soát nội bộ			X		X	X	X	X			X	X	
KTQU2589	Kỹ năng quản trị			X		X	X	X	X		X			
KTKE2523	Kế toán tài chính			X		X	X	X	X		X			
KTQU2592	Kiến tập			X		X	X	X	X			X		
KTQU2593	Thực hành nghề nghiệp			X		X	X	X	X			X		
II.3. Thực tập và Đồ án/khóa luận tốt nghiệp														
KTQU2719	Thực tập tốt nghiệp				X						X	X	X	
KTQU2820	Khóa luận tốt nghiệp				X						X	X	X	
II.4.Khối kiến thức chuyên sâu														
II.4.1.Quản trị kinh doanh bất động sản														
QĐQN2551	Quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản			X		X	X	X	X		X			
QĐKD2552	Quy hoạch sử dụng đất			X		X	X	X	X			X		
KTQĐ2503	Quản lý khu đô thị			X		X	X	X	X		X			
KTQĐ2504	Kiến trúc đô thị và cảnh quan			X		X	X	X	X		X			
QĐQN2555	Đăng ký thống kê đất đai và bất động sản			X		X	X	X	X		X		X	
KTQU2521	Quản lý điều hành sàn giao dịch và môi giới bất động sản			X		X	X	X	X		X	X	X	
KTQU2522	Kinh doanh bất động sản			X		X	X	X	X		X			
KTQU2523	Thị trường bất động sản			X		X	X	X	X			X		

CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		Chuẩn đầu ra												
		Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	NL1	NL2	NL3	NL4
KTQU2594	Tổ chức thi công xây dựng			X		X	X	X	X	X	X	X		
II.4.2. Quản trị kinh doanh tổng hợp														
KTQU2525	Khởi sự và tái lập doanh nghiệp			X		X	X	X	X					X
KTQU2526	Quản trị chất lượng			X		X	X	X	X				X	
KTQU2527	Phân tích kinh doanh			X		X	X	X	X					
KTQU2303	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh			X		X	X	X	X		X			
KTQU2595	Quản trị sự thay đổi			X		X	X	X	X					
KTQU2529	Quản trị công nghệ			X		X	X	X	X					
KTQU2530	Quản trị văn phòng			X		X	X	X	X					
KTQU2531	Quản trị chuỗi cung ứng			X		X	X	X	X					
KTQU2532	Quản trị rủi ro			X		X	X	X	X					
III	Khối kiến thức bổ trợ, tự chọn													
III.1	Kiến thức tự chọn													
KTQU2616	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp				X		X	X	X	X	X		X	
KTQU2633	Tiếng anh ngành Quản trị kinh doanh				X		X	X	X	X			X	
KTQU2634	Giao dịch và đàm phán kinh doanh		X										X	

CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		Chuẩn đầu ra												
		Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	NL1	NL2	NL3	NL4		
KTKB2402	Kinh tế tài nguyên biển		X				X		X				X	
KTTM2301	Kinh tế tài nguyên và môi trường		X											
KTKH2403	Kinh tế đầu tư			X		X					X			X
KTKH2404	Kinh tế phát triển								X				X	
KTPT2302	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh				X		X	X	X	X	X			
KTQU2506	Thương mại điện tử				X		X	X	X	X	X			
KTPT2404	Tin học ứng dụng				X		X	X	X	X	X			
KTPT2405	Phân tích định lượng				X		X	X	X	X				
III.2	Các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp													
KTQU2835	Đầu tư và tài chính bất động sản			X		X	X	X	X		X		X	
KTQU2836	Quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản			X		X	X	X	X		X		X	

4.4. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
I	Khởi kiến thức giáo dục đại cương									
I.1	Lý luận chính trị									
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	LTML2101	2							
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	LTML2102		3						
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LTTT2101			2					
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	LTĐL2101				3				
I.2	Khoa học xã hội									
5	Kỹ năng mềm	KTQU2151	2							
6	Pháp luật đại cương	LTPL2101		2						
I.3	Ngoại ngữ									
7	Tiếng Anh 1	NNTA2101	3							
8	Tiếng Anh 2	NNTA2102		3						
9	Tiếng Anh 3	NNTA2103			2					
I.4	Khoa học tự nhiên – tin học									
10	Tin học đại cương	CTKH2151	2							
11	Toán cao cấp	KDTO2108	3							
I.5	Giáo dục thể chất		1	1	1	1	1			
I.6	Giáo dục quốc phòng-An ninh		8							
II.	Khởi kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
II.1	Kiến thức cơ sở ngành									
	<i>Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc</i>									
12	Kinh tế vi mô	KTKH2301	3							
13	Kinh tế vĩ mô	KTKH2302		3						
14	Nguyên lý thống kê kinh tế	KTPT2301		2						
15	Nguyên lý kế toán	KTKE2501			3					
16	Quản trị học	MNT101	3							
17	Marketing căn bản	BMA202		2						
18	Tài chính - Tiền tệ	KTTC2304		2						
19	Định giá bất động sản	KTTC2305				2				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
	<i>Kiến thức cơ sở ngành tự chọn</i>									
20	Kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2301			2					
21	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	KTPT2302			2					
II.2	<i>Kiến thức ngành</i>									
	<i>Kiến thức ngành bắt buộc</i>									
22	Quản trị kinh doanh	KTQU2508					3			
23	Quản trị chiến lược	KTQU2591					3			
24	Quản trị Marketing	KTQU2510					2			
25	Quản trị tác nghiệp	KTQU2511					3			
26	Quản trị nguồn nhân lực	HRM 203					3			
27	Quản trị tài chính	KTTC2506				3				
28	Quản trị dự án đầu tư	KTQU2513				3				
29	Kinh doanh quốc tế	KTQU2514			2					
30	Hệ thống thông tin quản lý	KTQU2515			3					
31	Hệ thống kiểm soát nội bộ	KTQN2507				3				
32	Kỹ năng quản trị	KTQU2589						2		
33	Kế toán tài chính	KTKE2523				3				
34	Kiến tập	KTQU2592					4			
35	Thực hành nghề nghiệp	KTQU2593							4	
	<i>Kiến thức ngành tự chọn</i>									
36	Thương mại điện tử	KTQU2506			2					
37	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	KTQU2616						2		
II.3	<i>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</i>									
38	Thực tập tốt nghiệp	KTQU2719								6
39	Khóa luận tốt nghiệp	KTQU2820								6
II.4	<i>Khối kiến thức chuyên sâu</i>									
II.4.1	<i>Quản trị kinh doanh bất động sản</i>									
40	Quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản	QĐQN2551						3		
41	Quy hoạch sử dụng đất	QĐKD2552						2		
42	Quản lý khu đô thị	KTQĐ2503							3	
43	Kiến trúc đô thị và cảnh	KTQĐ2504							2	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
	quan									
44	Đăng ký, thống kê đất đai và bất động sản	QĐQN2555							2	
45	Quản lý điều hành sàn giao dịch và môi giới bất động sản	KTQU2521						3		
46	Kinh doanh bất động sản	KTQU2522							3	
47	Thị trường bất động sản	KTQU2523							3	
48	Tổ chức thi công xây dựng	KTQU2594						3		
II.4.2	<i>Quản trị kinh doanh tổng hợp</i>									
49	Khởi sự và tái lập doanh nghiệp	KTQU2525						3		
50	Quản trị chất lượng	KTQU2526							3	
51	Phân tích kinh doanh	KTQU2527						3		
52	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	KTQU2303						2		
53	Quản trị sự thay đổi	KTQU2595						3		
54	Quản trị công nghệ	KTQU2529							2	
55	Quản trị văn phòng	KTQU2530							3	
56	Quản trị chuỗi cung ứng	KTQU2531							3	
57	Quản trị rủi ro	KTQU2532							2	
III.	Khối kiến thức bổ trợ, tự chọn									
III.1	Khối kiến thức tự chọn (08/22)									
1	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	KTPT2302	04/12							
2	Tiếng anh ngành Quản trị kinh doanh	KTQU2633								
3	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	KTQU2634								
4	Kinh tế tài nguyên biển	KTKB2402								
5	Kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2301								
6	Kinh tế đầu tư	KTKH2403								
7	Kinh tế phát triển	KTKH2404								
8	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	KTQU2616	04/10							
9	Thương mại điện tử	KTQU2506								
10	Tin học ứng dụng	KTPT2404								

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
11	Phân tích định lượng	KTPT2405								
III.2	<i>Khối kiến thức bổ trợ, thay thế khóa luận</i>									
1	Đầu tư và tài chính bất động sản	KTQU2835								3
2	Quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản	KTQU2836								3
	Tổng (*) (132/146)		1 8	1 7	1 8	1 7	1 8	1 5	1 7	1 2

Ghi chú: (*) Không kể GDTC và GDQP-AN

4.5. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

1) Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

2TC

Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin.

- Chương 1: Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- Chương 2: Phép biện chứng duy vật
- Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử

2) Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 2

3TC

Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương:

- Chương 4,5,6 trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.
- Chương 7,8 khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội.
- Chương 9 khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

3) Tư tưởng Hồ Chí Minh

2TC

Mô tả vắn tắt nội dung ngoài Chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: Chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

4) Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

3TC

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hóa; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

5) Kỹ năng mềm

2TC

Học phần Kỹ năng mềm bao gồm các vấn đề thiết thực và gần gũi, cung cấp cho người học những Kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm.

6) Pháp luật đại cương

2TC

Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 03 chương trình bày về các vấn đề sau:

- Chương 1: Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật;
- Chương 2: Quy phạm pháp luật, Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý;
- Chương 3: Một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

7) Tiếng Anh 1

3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: People and places

Module 2: Everyday Life

Module 3: Loves and Hates

Module 4: Eating and Drinking

Module 5: Extraordinary Lives

Module 6: Buying and Selling

Module 7: The world around us

Module 8: Going Places

8) Tiếng Anh 2

3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: Leisure and Lifestyle

Module 2: Important Firsts

Module 3: At rest, at work

Module 4: Special Occasions

Module 5: Appearances

Module 6: Ambitions and Dreams

Module 7: Countries and cultures

9) Tiếng Anh 3

2TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: Old and New

Module 2: Take care

Module 3: Got to have it

Module 4: Choosing the right person

Module 5: Money, money, money

10) Tin học đại cương

2TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái niệm tin học, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet và tìm kiếm tài liệu học thuật trên Internet.

- Một số hệ điều hành thông dụng và sử dụng hệ điều hành.

Các chương trình ứng dụng MS Word, Excel và Powerpoint.

11) Toán cao cấp

3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Các kiến thức về ma trận và định thức.

- Các kiến thức về hệ phương trình tuyến tính.

- Các kiến thức về hàm số một biến số.

- Các kiến thức về hàm số nhiều biến số.

- Các kiến thức về cực trị của hàm số nhiều biến số.

Các kiến thức về phương trình vi phân.

12) Kinh tế vi mô

3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: lý thuyết về cầu - cung hàng hóa và giá cả hàng hóa trên thị trường; lý thuyết về sản xuất (tối đa hóa sản lượng), về chi phí sản xuất (tối thiểu hóa chi phí) và về lợi nhuận (tối đa hóa lợi nhuận); Các lý thuyết về cấu trúc của thị trường hàng hóa (thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo) và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong các thị trường này. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng; phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hóa và thị trường các yếu tố sản xuất. Ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường; Phân tích những thất bại vốn có

của thị trường và vai trò Chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường.

13) Kinh tế vĩ mô

3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Kinh tế học vĩ mô (Macroeconomic) là một phân ngành của kinh tế học chuyên nghiên cứu về đặc điểm, cấu trúc và hành vi của cả một nền kinh tế nói chung. Kinh tế học vĩ mô và kinh tế học vi mô là hai lĩnh vực chung nhất của kinh tế học. Trong khi kinh tế học vi mô chủ yếu nghiên cứu về hành vi của các cá thể đơn lẻ như công ty và cá nhân người tiêu dùng, kinh tế học vĩ mô lại nghiên cứu các chỉ tiêu cộng hưởng như GDP, tỉ lệ thất nghiệp, và các chỉ số giá cả để hiểu cách hoạt động của cả nền kinh tế. Học phần bao gồm 7 chương, sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản; những nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng của một nền kinh tế, hay các vấn đề về lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách của nền kinh tế mở.

14) Nguyên lý thống kê kinh tế

2TC

Nội dung học phần Nguyên lý thống kê kinh tế được phân bổ thành 5 chương giới thiệu những vấn đề cơ bản trong quá trình thống kê như thu thập thông tin, tổng hợp và xử lý các số liệu thống kê, phân tích, đánh giá và dự báo trên cơ sở những thông tin đã được xử lý. Cụ thể:

Chương 1. Tổng quan về nguyên lý thống kê: giới thiệu những kiến thức chung thống kê, học phần nguyên lý thống kê, khái niệm thường dùng trong thống kê, quá trình nghiên cứu thống kê và một số phần mềm thông dụng trong nghiên cứu thống kê.

Chương 2. Thu thập thông tin thống kê: giới thiệu những kiến thức về thông tin thống kê, thu thập thông tin thống kê, bao gồm: khái niệm, các hình thức tổ chức, phương pháp thu thập thông tin thống kê, phương pháp chọn mẫu.

Chương 3. Tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê: giới thiệu các kiến thức về phân tổ thống kê, bảng thống kê, đồ thị thống kê.

Chương 4. Các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng: giới thiệu những kiến thức về các chỉ số so sánh, các chỉ tiêu thể hiện điển hình, các chỉ tiêu đánh giá mức độ điển hình của số bình quân và cách sử dụng phần mềm SPSS trong tính toán các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng.

Chương 5. Các phương pháp phân tích và dự báo biến động của hiện tượng thống kê: giới thiệu các kiến thức phân tích thống kê, phương pháp dự báo dựa trên dãy số biến động thời gian và cách sử dụng phần mềm SPSS trong tính toán các chỉ tiêu phân tích và dự báo thống kê.

15) Nguyên lý kế toán**3TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái niệm; các nguyên tắc cơ bản.
- Đối tượng nghiên cứu của kế toán.
- Hệ thống phương pháp kế toán gồm: Phương pháp chứng từ, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối.
- Các quá trình kinh doanh chủ yếu.
- Các hình thức kế toán.
- Tổ chức bộ máy kế toán.

16) Quản trị học**3TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những vấn đề căn bản của quản trị, các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin quản trị, ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị đó là chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm tra.

17) Marketing căn bản**2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: tổng quan về Marketing, các môi trường Marketing, hành vi của khách hàng, phân khúc và lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị và các chiến lược Marketing hỗn hợp.

Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hành vi mua của người tiêu dùng và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua đó, đồng thời hiểu rõ quá trình ra quyết định mua của người tiêu dùng và hiểu về chính sách sản phẩm, chính sách giá của sản phẩm và chính sách phân phối sản phẩm của doanh nghiệp.

18) Tài chính tiền tệ**2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Các khái niệm căn bản về phạm trù tài chính – tiền tệ, các bộ phận của hệ thống tài chính, chức năng cũng như các nguyên lý về hình thức hoạt động của nó trong nền kinh tế hàng hóa, nền kinh tế thị trường. Đặc biệt đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến lãi suất và tín dụng, Ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian đặc biệt là Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung Ương và Chính sách tiền tệ, tài chính quốc tế....

19) Định giá bất động sản

Nội dung đề cập trong học phần bao gồm: Các kiến thức cơ bản về bất động sản và thị trường bất động sản; Các khái niệm cơ bản về định giá tài sản, định giá bất động sản, mục đích và vai trò định giá bất động sản, các nguyên tắc định giá bất động sản,

cơ sở định giá tài sản, các phương pháp định giá bất động sản và tổ chức công tác định giá bất động sản, hồ sơ của quá trình định giá bất động sản. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học về pháp luật trong hoạt động định giá bất động sản.

20) Quản trị kinh doanh

3TC

Học phần quản trị kinh doanh gồm 5 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh, các hoạt động marketing, quản trị nhân lực, quản trị tài chính, quản trị chất lượng, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, giúp người học triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

21) Quản trị chiến lược

3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: tổng quan về Quản trị chiến lược, nghiên cứu môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, viễn cảnh, sứ mạng và mục tiêu của doanh nghiệp, lợi thế cạnh tranh, định vị và ra các quyết định về chiến lược của doanh nghiệp. Học phần không chỉ tập trung vào việc lựa chọn, và tổ chức thực hiện chiến lược mà còn đề cập tới việc đánh giá và điều chỉnh chiến lược trong doanh nghiệp. Từ đó có thể mang lại hiệu quả kinh doanh cao và góp phần trong sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

22) Quản trị Marketing

2TC

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức kỹ năng trong việc hoạch định, xây dựng các chính sách chương trình marketing cho doanh nghiệp trên cơ sở phân tích dự báo thị trường; các kỹ năng marketing để thực thi chiến lược marketing trong doanh nghiệp.

23) Quản trị tác nghiệp

3TC

Học phần cung cấp những nội dung cơ bản về công tác hoạch định và tổ chức quá trình sản xuất trong doanh nghiệp; trình bày các nguyên tắc và phân tích quá trình ra quyết định cho một hệ thống sản xuất tối ưu. Môn học tập trung nghiên cứu khái niệm, vai trò, phương pháp thực hiện các nội dung: dự báo cầu sản phẩm, thiết kế hệ thống sản xuất và cung cấp dịch vụ, hoạch định năng lực sản xuất, lựa chọn địa điểm, bố trí mặt bằng sản xuất, lập kế hoạch nguyên vật liệu, lên kế hoạch dự trữ.

24) Quản trị nguồn nhân lực

3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Phân tích công việc, hoạch định nguồn nhân lực, lập kế hoạch hóa nguồn nhân lực, quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực, các phương pháp đánh giá nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, các hình thức trả lương và hợp đồng với người lao động.

25) Quản trị tài chính**3TC**

Môn học đề cập đến các vấn đề cốt yếu về quản trị tài chính mà doanh nghiệp sẽ thực hiện để hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường như chi phí huy động và sử dụng vốn; đánh giá mức độ rủi ro trong hoạt động đầu tư, cơ cấu tài chính và sử dụng các công cụ tài chính của doanh nghiệp, các hoạt động quản trị tài sản dài hạn, quản trị nguồn vốn, chính sách tài trợ để có cơ cấu vốn tối ưu

26) Quản trị dự án đầu tư**3TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Học phần Quản trị dự án đầu tư nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc lập và quản trị một dự án đầu tư. Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề như: lập kế hoạch và lựa chọn phương án dự án đầu tư; quản trị thời gian và tiến độ công việc theo mạng thời gian theo phương pháp sơ đồ PERT và theo phương pháp sơ đồ GANTT; bố trí và điều phối nguồn lực thực hiện dự án theo như bản lập dự án; dự toán ngân sách và quản trị chi phí của một dự án; quản trị chất lượng và rủi ro trong quá trình dự án được thực hiện..

27) Kinh doanh quốc tế**2TC**

Học phần trình bày các vấn đề cơ bản của kinh doanh quốc tế như: Tổng quan về kinh doanh quốc tế; ảnh hưởng các yếu tố môi trường vĩ mô đến kinh doanh quốc gia; môi trường thương mại và đầu tư toàn cầu; chiến lược kinh doanh quốc tế; các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế.

28) Hệ thống thông tin quản lý**3TC**

Học phần hệ thống thông tin quản lý trình bày các vấn đề như: tổng quan về thông tin và hệ thống thông tin quản lý, cơ sở tổ chức hệ thống thông tin quản lý, phương pháp phân tích hệ thống thông tin quản lý, xây dựng kế hoạch thiết kế hệ thống thông tin, hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp, quản lý và phát triển hệ thống thông tin.

29) Hệ thống kiểm soát nội bộ**3TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

-Tổng quan chung về hệ thống kiểm soát nội bộ như khái niệm, vai trò và các yếu tố cấu thành nên hệ thống kiểm soát nội bộ.

-Các dạng sai phạm thường xảy ra trong doanh nghiệp và biện pháp hạn chế.

-Mục tiêu và nội dung một số quy trình kiểm soát nội bộ chính trong các doanh nghiệp.

30) Kỹ năng quản trị**2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về kỹ năng quản trị, các nhóm kỹ năng cá nhân như kỹ năng tư duy, kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, những kỹ năng quan hệ với con người cũng như các kỹ năng chuyên biệt cho nghề quản trị như phân tích báo cáo tài chính, xây dựng thương hiệu, lập kế hoạch, ra quyết định.

31) Kế toán tài chính

3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn về kế toán tài chính doanh nghiệp bao gồm lập chứng từ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; nội dung; phương pháp ghi chép trên các tài khoản kế toán; sổ sách kế toán tổng hợp và việc lập hệ thống báo cáo tài chính

32) Kiến tập

4TC

Học phần Kiến tập lần 1 yêu cầu sinh viên phải thực hiện các nội dung sau:

- Tìm hiểu chung về đơn vị kiến tập.
 - + Giới thiệu chung về đơn vị kiến tập.
 - + Cơ cấu tổ chức của đơn vị kiến tập.
- Tìm hiểu các hoạt động quản trị cơ bản tại các đơn vị kiến tập
- Viết báo cáo sau quá trình đi kiến tập.

33) Thực hành nghề nghiệp

4TC

Học phần Kiến tập lần 2 yêu cầu sinh viên phải thực hiện các nội dung sau:

- Tìm hiểu chung về đơn vị kiến tập.
 - + Giới thiệu chung về đơn vị kiến tập.
 - + Cơ cấu tổ chức của đơn vị kiến tập.
- Tìm hiểu các hoạt động quản trị tại các đơn vị kiến tập.
- Tìm hiểu các hoạt động nghiệp vụ tại đơn vị kiến tập (nếu có).
- Viết báo cáo sau quá trình đi kiến tập.

34) Thực tập tốt nghiệp

6TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tìm hiểu về tổ chức và hoạt động chung của đơn vị thực tập;
- Tìm hiểu về các hoạt động kinh doanh và quản lý;
- Thực tập các công việc, nhiệm vụ được đơn vị thực tập phân công.

35) Khóa luận tốt nghiệp

6TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan đề tài nghiên cứu.
- Cơ sở lý luận, hệ thống hóa lại những vấn đề lý luận về lĩnh vực nghiên cứu của khóa

luận tốt nghiệp.

- Thực trạng về vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập.
- Những giải pháp cho vấn đề nghiên cứu, đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm giải quyết những tồn tại, cải thiện hiện trạng để nâng cao hiệu quả lĩnh vực hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp.

** Chuyên ngành quản trị kinh doanh bất động sản*

36) Quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản 3TC

Học phần Quản lý Nhà nước về đất đai và bất động sản cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước và Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam, Quản lý hành chính nhà nước, Nội dung Quản lý Nhà nước về đất đai và bất động sản giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện và có kỹ năng để nghiên cứu Quản lý Nhà nước về đất đai và bất động sản.

37) Quy hoạch sử dụng đất 2TC

Học phần quy hoạch sử dụng đất cung cấp cho người học kiến thức về một số vấn đề chung về quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất ở Việt Nam, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, huyện, từ đó xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất.

38) Quản lý khu đô thị 3TC

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý đô thị bao gồm: Khái niệm, đặc điểm cơ bản về quản lý đô thị và quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị; Những nguyên tắc và phương pháp cơ bản trong quản lý đô thị, cơ sở pháp lý về quản lý xây dựng theo quy hoạch và thực trạng đô thị hóa, quản lý xây dựng theo quy hoạch khu đô thị mới.

39) Kiến trúc đô thị và cảnh quan 2TC

Học phần tập trung làm rõ các vấn đề như: Khái niệm cơ bản về kiến trúc cảnh quan, mối quan hệ giữa cảnh quan không gian trống với cảnh quan không gian xây dựng từ đó tìm ra các quy luật, quy tắc ứng dụng trong quy hoạch và thiết kế cảnh quan và ứng dụng nó vào việc quy hoạch, thiết kế cảnh quan nông thôn và đô thị.

Học phần cung cấp cho người học các nguyên tắc thiết kế, quy hoạch, các dạng bố cục, quy tắc sắp xếp và quy luật, quy trình trong thiết kế đô thị và cảnh quan để ứng dụng vào thực tế kiến trúc đô thị.

40) Đăng ký thống kê đất và bất động sản 2TC

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến đăng ký, thống kê đất đai và bất động sản. Sau khi học xong học phần này sinh viên nắm được các quy trình, thủ tục, quy định trong việc thống kê đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, xây dựng quy trình lập hồ sơ địa chính. Đồng thời sinh viên cũng nắm được cách thức

giải quyết trong các trường hợp có sự biến động sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc chỉnh lý hồ sơ địa chính.

41) Quản lý điều hành sàn giao dịch và môi giới bất động sản 3TC

Nội dung học phần trang bị những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản lý sàn giao dịch bất động sản và hoạt động môi giới bất động sản, bao gồm: tổng quan về quản lý điều hành sàn giao dịch & môi giới bất động sản, thị trường bất động sản, đầu tư kinh doanh bất động sản, các quy trình và kỹ năng môi giới bất động sản, các văn bản pháp luật trong kinh doanh bất động sản.

42) Kinh doanh bất động sản 3TC

Học phần Kinh doanh bất động sản là một môn khoa học nhằm cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về bất động sản và thị trường bất động sản. Môn học đi sâu vào phân tích các vấn đề liên quan đến cầu bất động sản (cầu và lượng cầu, các nhân tố ảnh hưởng đến cầu, độ co giãn của cầu...), các vấn đề liên quan đến cung bất động sản (cung và lượng cung, các nhân tố ảnh hưởng đến cung, độ co giãn của cung...). Từ đó, môn học đánh giá về mối quan hệ giữa cung và cầu bất động sản, phân tích để hiểu rõ cơ chế hình thành giá cả bất động sản trên thị trường. Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản trong việc lập và quản lý một dự án đầu tư bất động sản, tập trung phân tích các chỉ số tài chính trong đầu tư bất động sản

43) Thị trường bất động sản 3TC

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hệ thống pháp luật về thị trường bất động sản, hệ thống thông tin trong thị trường bất động sản, cách xác định giá thành, giá trị bất động sản và thống kê, hồ sơ đăng ký bất động sản.

44) Tổ chức thi công xây dựng 3TC

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng trong việc tổ chức thi công xây dựng các công trình như công tác thiết kế tổ chức thi công, lập kế hoạch tiến độ thi công các công trình, tổ chức các nghiệp vụ hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất trên công trường xây dựng như kho bãi, giao thông, tổ chức quản lý lao động trên công trường với mục tiêu an toàn, văn minh, chất lượng.

** Chuyên ngành quản trị kinh doanh tổng hợp*

45) Khởi sự và tái lập doanh nghiệp 3TC

Học phần khởi sự & tái lập doanh nghiệp cung cấp những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về khởi tạo doanh nghiệp, thành lập doanh nghiệp và các thủ tục pháp lý có liên quan, tổ chức doanh nghiệp và xây dựng kế hoạch kinh doanh, đồng thời người học triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

46) Quản trị chất lượng

3TC

Học phần cung cấp những kiến thức tổng quát về chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm; Các phương pháp quản lý chất lượng; Các kỹ thuật và công cụ quản lý chất lượng; Các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn; Phương pháp quản lý chất lượng toàn diện – TQM; Quản lý chất lượng trong một số loại hình doanh nghiệp. Từ đó người học có thể vận dụng kiến thức về quản lý chất lượng vào công việc thực tế, nâng cao chất lượng, uy tín cho doanh nghiệp.

47) Phân tích kinh doanh

3TC

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phương pháp phân tích tình hình hoạt động kinh tế của doanh nghiệp. Các phương pháp phân tích này được áp dụng trực tiếp vào các loại doanh nghiệp để phân tích tìm ra nguyên nhân tác động đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm giúp cho nhà quản trị, chủ sở hữu công ty và chủ nợ lường trước những khó khăn và thuận lợi của công ty, để từ đó đưa ra quyết định đúng đối với công ty.

48) Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh

2TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Một số vấn đề chung về hợp đồng kinh tế trong kinh doanh trên phương diện lý luận và thực tiễn; Nghiên cứu và dự thảo mẫu một số loại hợp đồng kinh tế trong kinh doanh như hợp đồng mua bán hàng hoá, hợp đồng kinh tế dịch vụ, hợp đồng thành lập công ty, hợp đồng kinh tế trong liên kết kinh tế, hợp đồng hợp tác và liên doanh với nước ngoài.

49) Quản trị sự thay đổi

3TC

Môn học này là học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp. Môn học trang bị cho người học những kiến thức cần thiết về sự thay đổi như: khái niệm thay đổi, những áp lực khiến cho tổ chức phải thay đổi... Người học cũng được cung cấp các kiến thức về những mô hình quản trị sự thay đổi, quy trình quản trị sự thay đổi, những phản ứng của các cá nhân trong tổ chức trước những thay đổi. Từ đó,

người học sẽ có thể vận dụng các kiến thức về quản trị sự thay đổi để lập được kế hoạch cho sự thay đổi, theo dõi, kiểm soát quá trình thay đổi, đưa ra những chiến lược ứng phó với thay đổi trong tổ chức để đảm bảo hiệu quả cho tổ chức trong quá trình thay đổi.

50) Quản trị công nghệ

2TC

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng trong việc đánh giá, công nghệ cũng như phân tích năng lực công nghệ dưới góc độ của nhà quản trị, đồng thời đưa ra các phương án, hướng dẫn cách thức chuyển giao hoặc đổi mới công nghệ một cách khoa học phù hợp với điều kiện của tổ chức và sự phát triển của xu thế trên thế giới.

51) Quản trị văn phòng

3TC

Học phần quản trị văn phòng cung cấp những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị văn phòng, các hoạt động quản trị văn phòng, soạn thảo và lưu trữ văn bản, một số nghiệp vụ cơ bản của văn bản, công tác lưu trữ hồ sơ giúp người học triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

52) Quản trị chuỗi cung ứng

3TC

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng về quản trị chuỗi cung ứng. Thông qua học phần giúp sinh viên nắm được cách thức thiết kế, tổ chức chuỗi cung ứng hàng hóa, tổ chức hoạt động dự trữ hàng hóa, kho bãi, vận chuyển, đóng gói xếp dỡ hàng hóa đồng thời đo lường hiệu quả mang lại từ chuỗi cung ứng.

53) Quản trị rủi ro

2TC

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về quản trị rủi ro. Thông qua học phần sinh viên có cái nhìn khái quát về các loại rủi ro trong hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp có thể gặp phải và cách thức quản trị các loại rủi ro. Mặt khác học phần này còn trang bị cho sinh viên cách thức đo lường, chuyển đổi các rủi ro nhằm mục tiêu giúp doanh nghiệp có khả năng thích ứng, khống chế hoặc biến rủi ro thành cơ hội trong hoạt động kinh doanh của mình.

** Khối kiến thức tự chọn và thay thế đồ án tốt nghiệp*

1) Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh

2TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 6 chương giới thiệu những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh như: (1) Tổng quan về nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh: giới thiệu về khái niệm, vai trò, phân loại và qui trình nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh. (2). Xác định vấn đề nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh: giới thiệu chung về khái niệm và phân loại vấn đề

nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh; tầm quan trọng và phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu. (3). Thiết kế nghiên cứu: giới thiệu chung về khái niệm thiết kế nghiên cứu, quy trình thiết kế nghiên cứu. Trong đó nhấn mạnh các nội dung: Đặt tên đề tài nghiên cứu, tổng quan vấn đề nghiên cứu, xác định phương pháp luận nghiên cứu, xây dựng khung logic, xác định các nguồn lực cần thiết cho nghiên cứu. Đồng thời giới thiệu phương pháp thiết kế công cụ thu thập dữ liệu. (4). Chọn mẫu và tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh: giới thiệu những kiến thức về chọn mẫu và các phương pháp sử dụng để thu thập và xử lý các số liệu thứ cấp và sơ cấp. (5). Xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu nghiên cứu: giới thiệu các kiến thức về các phương pháp xử lý dữ liệu, phân tích số liệu định tính và định lượng và phương pháp trình bày kết quả phân tích. (6). Trình bày báo cáo nghiên cứu: giới thiệu các dạng báo cáo nghiên cứu, cấu trúc cũng như cách trình bày đề cương nghiên cứu, báo cáo khoa học.

2) Tiếng anh ngành Quản trị kinh doanh

2TC

Học phần tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh bao gồm các nội dung liên quan đến các lĩnh vực quản trị kinh doanh hiện đại như: cấu trúc của tổ chức, lãnh đạo, sự cạnh tranh, sự nhận biết các nền văn hóa phục vụ cho hoạt động quản trị kinh doanh, đạo đức kinh doanh, và sự đổi mới cần thiết trong kinh doanh.

3) Giao dịch và đàm phán kinh doanh

2TC

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng khái quát nhất về giao dịch và đàm phán trong kinh doanh cụ thể sinh viên nắm được các nguyên tắc trong giao dịch đàm phán, các kiểu đàm phán trong kinh doanh. Sự ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý, văn hóa, xã hội trong quá trình giao dịch đàm phán với đối tác. Các kỹ năng cần thiết để thực hiện giao dịch đàm phán đồng thời xây dựng tiến trình đàm phán và kỹ thuật đột phá thế găng trong quá trình đàm phán hay gặp phải.

4) Kinh tế tài nguyên biển

2TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Học phần Kinh tế Tài nguyên Biển nghiên cứu tài nguyên biển theo cách tiếp cận kinh tế tài nguyên. Theo đó, học phần tập trung làm rõ những vấn đề như: Khái niệm, phân loại tài nguyên biển; Vai trò của tài nguyên biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, đặc điểm của kinh tế tài nguyên biển và tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên biển; Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên biển hiện nay.

Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về một số mô hình lý thuyết trong khai thác tài nguyên biển; Những biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên biển; Các phương pháp cơ bản đánh giá giá trị tài nguyên biển.

Ngoài ra, học phần còn làm rõ những vấn đề thực tiễn về khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay.

5) Kinh tế tài nguyên và môi trường

2TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Kinh tế tài nguyên và môi trường nghiên cứu các vấn đề tài nguyên, môi trường dưới góc độ phân tích của kinh tế học.

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về kinh tế tài nguyên môi trường như ngoại ứng, thuế ô nhiễm tối ưu, thị trường Quota ô nhiễm, đường cong tăng trưởng của tài nguyên, khả năng khai thác tài nguyên bền vững...

6) Kinh tế đầu tư

2TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển như bản chất đầu tư phát triển, các nguồn hình thành vốn đầu tư, quản lý đầu tư. Bên cạnh đó, học phần còn làm rõ cơ sở khoa học và nội dung cơ bản của lập, thẩm định dự án đầu tư cũng như đấu thầu trong các dự án đầu tư và quản lý đầu tư. Đặc biệt, học phần cung cấp hệ thống các chỉ tiêu để phân tích, đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển.

- Môn học cung cấp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản để phân biệt đầu tư phát triển với những loại hình đầu tư khác trong thực tế, từ đây sinh viên có những cách thức đánh giá hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội của những dự án khác nhau.

- Môn học giúp sinh viên nắm được những cách thức lập dự án và thẩm định các dự án đầu tư trong thực tế

7) Kinh tế phát triển

2TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tăng trưởng kinh tế, cải thiện các vấn đề xã hội cũng như các vấn đề về môi trường ở các nước đang phát triển.... Học phần giúp sinh viên nắm bắt được những lý thuyết cơ bản cũng như những kiến thức thực tế (kinh nghiệm của các nước và các nghiên cứu thực nghiệm) về quá trình tăng trưởng và phát triển ở các nước này. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể phân tích và đánh giá được thực trạng nền kinh tế và quá trình phát triển của các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển kinh tế Việt Nam một cách bền vững.

8) Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp

2TC

Học phần Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp nghiên cứu các vấn đề đạo đức trong kinh doanh và văn hóa trong môi trường doanh nghiệp. Học phần tập

trung vào việc nghiên cứu nguyên nhân và cách thức con người ứng xử, xác lập các quan điểm, quy tắc ứng xử, các hành vi, nghĩa vụ, giải quyết các mâu thuẫn; từ đó đề ra những qui định, những chính sách nhằm tạo lập bản sắc văn hóa doanh nghiệp, xây dựng phong cách quản lý, định hướng đạo đức để quản lý doanh nghiệp có hiệu quả hơn.

9) Thương mại điện tử

2TC

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và hệ thống thanh toán trong thương mại internet; vấn đề an ninh, bảo mật trong thương mại điện tử và các mô hình giao dịch trong thương mại điện tử hiện nay.

10) Tin học ứng dụng

2TC

Nội dung học phần Tin học ứng dụng giới thiệu những vấn đề cơ bản về ứng dụng phần mềm Excel trong công tác tổng hợp, xử lý và phân tích số liệu điều tra. Và một số hàm tài chính được ứng dụng để tính khấu hao tài sản cố định, phân tích hiệu quả của vốn đầu tư và đầu tư chứng khoán.

Nội dung kiến thức của học phần được phân bổ thành 5 chương:

Chương 1. Mở đầu: Giới thiệu mục đích, ý nghĩa, khả năng đáp ứng của Tin học đối với ngành quản trị kinh doanh, cũng như đối tượng và nhu cầu sử dụng tin học ứng dụng trong ngành.

Chương 2. Chương trình Excel ứng dụng trong chuyên ngành: giới thiệu chung về chương trình Excel, một số lệnh cơ bản trong Excel như cách nhập, xóa, sửa số liệu, các lệnh sắp xếp, phân tổ, phân tích tài liệu, cách vào các công thức và hàm trong Excel ứng dụng trong quản lý nói chung và ngành quản trị kinh doanh nói riêng.

Chương 3. Quản lý tài chính: các hàm sử dụng trong tính khấu hao tài sản cố định, phân tích hiệu quả đầu tư và đầu tư chứng khoán.

Chương 4. Các phương pháp dự báo- lập kế hoạch kinh doanh và bảo toán điểm hòa vốn: giới thiệu những kiến thức về phân tích tương quan, hồi qui, phương sai và các phân tích khác trên Excel cũng như bài toán điểm hòa vốn trong quản lý.

Chương 5. Phân tích rủi ro trong kinh doanh bằng Crystal ball: giới thiệu các kiến thức về cristaL Ball và ứng dụng trong quản lý.

Chương 6. Giải bài toán quy hoạch tuyến tính: Giới thiệu về bài toán tối ưu và giải bằng Solver.

11) Phân tích định lượng

2TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Chương 1. Giới thiệu về phân tích định lượng: Bao gồm những khái niệm cơ bản nhất về phân tích định lượng như quy trình, phương pháp phân tích và các phần mềm ứng dụng phổ biến.

Chương 2. Mô hình toán kinh tế và phương pháp tối ưu: Trong chương này sẽ trình bày các ứng dụng của phép đạo hàm và vi phân trong phân tích kinh tế; giới thiệu các mô hình toán kinh tế để giải các bài toán tối ưu trong thực tiễn.

Chương 3. Phân tích hồi quy: Giới thiệu về mô hình hồi quy bao gồm mô hình hồi quy đơn, hồi quy bội; ước lượng khoảng tin cậy, kiểm định các giả thuyết về các tham số trong mô hình; từ đó có thể lựa chọn mô hình hồi quy phù hợp với vấn đề thực tiễn.

Chương 4. Phương pháp dự báo định lượng: Chương này giới thiệu 2 nhóm phương pháp dự báo định lượng được sử dụng phổ biến, bao gồm dự báo dựa trên dữ liệu chuỗi thời gian và dự báo bằng phương pháp dự báo nhân quả. Các phương pháp này có ý nghĩa vận dụng trong việc lập kế hoạch cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

12) Đầu tư và tài chính bất động sản

3TC

Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tổng quan về đầu tư và tài chính bất động sản và quy trình nghiệp vụ về đầu tư bất động sản.

Các kiến thức cơ bản liên quan đến các phương pháp và nguyên tắc đầu tư, tài chính bất động sản: Sử dụng các phương pháp so sánh, phương pháp thu nhập, phương pháp chi phí và đưa ra các quyết định đầu tư bất động sản.

13) Quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản

3TC

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, các vấn đề về tạo lập doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, hoạch định chiến lược kinh doanh bất động sản, quản trị nhân lực, quản trị tài chính, quản trị marketing trong doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, giúp người học triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4.6. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

4.6.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của ngành, đảm bảo đủ theo danh mục trang thiết bị tối thiểu phục vụ công tác đào tạo của ngành Kế toán.

a. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			
				Tên thiết bị	SL	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
1	Phòng học	154	13.854	Máy chiếu	104	Tất cả các môn	13.854
				Màn chiếu	107		
				Bảng chống loá	154		
				Bàn giáo viên	154		
				Bàn học sinh	3.650		

b. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm thực hành

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
1	Phòng máy 701	1	103	Máy vi tính DELL	54	2016	Các môn tin học, kế toán máy	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
2	Phòng máy 702	1	103	Máy vi tính DELL	49	2016	Các môn tin học, kế toán máy	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
3	Phòng máy 703	1	103	Máy vi tính DELL	47	2016	Các môn tin	103
				Máy chủ Server	1	2016		

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
				Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ			học, kế toán máy	
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
4	Phòng máy 704	1	103	Máy vi tính DELL	66	2016	Các môn tin học, kế toán máy	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
5	Phòng máy 705	1	103	Máy vi tính DELL	40	2016	Các môn tin học, kế toán máy	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
6	Phòng máy 706	1	103	Máy vi tính DELL	40	2016	Các môn tin học, kế toán máy	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ	1	2016		

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
				điều hành cho máy chủ				
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
7	Phòng máy 708	1	103	Máy vi tính DELL	49	2016	Các môn tin học, kế toán máy	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
8	Phòng máy 710	1	103	Máy vi tính DELL	50	2016	Các môn tin học, kế toán máy	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
9	Phòng máy 806	1	103	Máy vi tính DELL	39	2016	Các môn tin học, kế toán máy	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
				Sony				
10	Phòng máy 808	1	103	Máy vi tính DELL	48	2016	Các môn tin học, kế toán máy	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
11	Phòng máy 810	1	103	Máy vi tính DELL	50	2016	Các môn tin học, kế toán máy	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		

c. Thư viện

Tổng diện tích thư viện: 890 m² trong đó diện tích các phòng đọc: 440 m²

Số lượng máy tính phục vụ tra cứu (tài liệu giấy và số): 100

Số chỗ ngồi đọc: 200

Phần mềm Thư viện (tích hợp quản lý thư viện truyền thống và thư viện điện tử): iLibme

Thư viện điện tử: Đã kết nối với thư viện Đại học TNMT Thành phố Hồ Chí Minh các chương trình Fulbright, Cranfield University, Ohidink DRC Bowling Green State University, Đại học An Giang, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, nhóm trường Kiến trúc, nhóm trường Quản trị kinh doanh, nhóm trường Sư phạm, nhóm trường Y dược.

Thư viện trường có đủ số lượng sách, giáo trình của trường: 9.915 sách, giáo trình, tài liệu tham khảo.

d. Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành Quản trị kinh doanh

Thư viện trường có đủ số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ nhu cầu đào tạo sinh viên ngành Quản trị kinh doanh. Danh mục sách, giáo trình, tài liệu tham khảo trong bảng sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1	Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn (2011), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia
2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2	Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn (2011), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và đào tạo (2013), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, HN.
5	Kỹ năng mềm	1. Hoàng Thị Thu Hiền, Bùi Thị Bích, Nguyễn Như Khương, Nguyễn Thanh Thủy (2014), Giáo trình kỹ năng mềm - Tiếp cận theo hướng sự phạm tương tác, NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.
		2. Lại Thế Luyện (2014), Kỹ năng tìm việc làm, NXB Thời đại.
		3. Dương Thị Liễu (2013), Kỹ năng thuyết trình, NXB Kinh tế quốc dân.
6	Pháp luật đại cương	1. TS. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2010), Pháp luật đại cương, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
		2. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật; NXB. Công An Nhân Dân, Hà Nội
		Vũ Quang (2014), Giáo trình Pháp luật đại cương, NXB. Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.
7	Tiếng Anh 1	Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). New Cutting Edge, Elementary. Harlow: Pearson Longman.
8	Tiếng Anh 2	New cutting Edge (Pre- Intermediate)
9	Tiếng Anh 3	1, Sarah Cunningham & Peter Moor with Jane Comyns Carr (2010), New cutting Edge (Pre- Intermediate), Pearson Longman
10	Tin học đại cương	1. Đỗ Thị Mơ – Dương Xuân Thành, Giáo trình nhập môn tin học, NXB Nông nghiệp.

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
		2. Tự học Microsoft Excel 2010, Tự học PowerPoint 2010 (2012), NXB Văn hóa Thông tin.
		3. Tự học Word 2010 (2011), NXB Hồng Bàng.
11	Toán cao cấp	1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, (2012) Toán học cao cấp (Tập 1,2,3), Nhà xuất bản Giáo Dục.
		2. Lê Xuân Hùng- Lê Thị Hương- Nguyễn Ngọc Linh- Đàm Thanh Tuấn, (2019), Bài tập Toán cao cấp, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
12	Kinh tế vi mô	1. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Nguyễn Gia Thọ, Phạm Thị Ngoan, Đào Thị Thương (2018), GT Kinh tế vi mô, Nhà xuất bản xây dựng.
		2. PGS.TS Vũ Kim Dũng (2012), GT Nguyên lý kinh tế học vi mô, NXB Lao động – Xã hội.
		3. PGS.TS Phí Mạnh Hồng (2013), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô</i> , NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
		4. PGS.TS Cao Thúy Xiêm (2010), <i>Kinh tế học vi mô</i> , NXB Đại học KTQD.
13	Kinh tế vĩ mô	1. Đỗ Thị Dinh, Nguyễn Gia Thọ, Ngô Thị Duyên, Tống Thị Thu Hòa (2018), GT Kinh tế vĩ mô, NXB Tài chính.
		2. Nguyễn Văn Công (2012), <i>Giáo trình Nguyên lý Kinh tế vĩ mô</i> , Nhà xuất bản Giáo dục
		3. Nguyễn Văn Ngọc (2013), <i>Bài giảng Kinh tế vĩ mô</i> , NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
14	Nguyên lý thống kê kinh tế	(1) Phan Công Nghĩa, Bùi Đức Triệu (2014), <i>Giáo Trình thống kê Kinh tế</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
		(2) Khoa Thống kê, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, <i>Giáo trình Lý thuyết thống kê</i> (2014), NXB ĐH Kinh tế Quốc dân
		(3) Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), <i>Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS</i> , NXB Hồng Đức
15	Nguyên lý kế toán	1. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên, (2018), <i>Giáo trình Nguyên lý kế toán</i> , NXB Lao động xã hội
		2. Bộ Tài chính (2015), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i> , NXB Tài chính
		3. Phan Đức Dũng (2014), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực</i> , NXB Thống kê.
16	Quản trị học	Nguyễn Hoàn (2019), <i>Giáo trình Quản trị học</i> , NXB Khoa học và kỹ thuật.
		2. Nguyễn Thị Liên Diệp (2012), <i>Quản trị học</i> , NXB Văn hóa - Nghệ thuật.
17	Marketing căn bản	1. Trần Minh Đạo (2012), <i>Marketing căn bản</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
		2. Nguyễn Hoàn (2013), Giáo trình Marketing căn bản, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
18	Tài chính – Tiền tệ	1. Phạm Ngọc Dũng (2014), Tài chính – Tiền tệ, NXB Tài chính. 2. Lê Thị Mận (2014), Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ, NXB Lao động Xã hội. 3. Nguyễn Hữu Tài (2012), Giáo trình Lý thuyết Tài chính tiền tệ, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
19	Định giá bất động sản	1. Nguyễn Ngọc Vinh (2014), Thảm định giá trị bất động sản, NXB Lao Động – Xã Hội 2. Trịnh Hữu Liên (2013), Định giá bất động sản, NXB Nông Nghiệp. 3. Hay Sinh (2012), Nguyên lý thảm định giá, NXB tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
20	Quản trị chiến lược	1. Ngô Kim Thanh (2015), Giáo trình Quản trị chiến lược, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Fredr. David (2012), Khái luận về Quản trị chiến lược, NXB thống kê. 3. Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dung, Lê Quang Khôi (2011), Quản trị chiến lược bài tập và nghiên cứu tình huống, NXB Phương Đông.
21	Quản trị kinh doanh	1. Nguyễn Hoàn (2013), Giáo trình Marketing căn bản, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. 2. Nguyễn Ngọc Huyền (2016), Giáo trình quản trị kinh doanh, Tập 1, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
22	Quản trị marketing	1. Trần Minh Đạo (2012), Marketing căn bản, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Nguyễn Hoàn (2013), Marketing căn bản, NXB Lao động. 3. Nguyễn Hoàn (2013), Giáo trình Quản trị học, NXB Lao động.
23	Quản trị tác nghiệp	1. Ngô Kim Thanh (2013), Giáo trình quản trị doanh nghiệp, NXB Kinh tế Quốc dân. 2. Nguyễn Hoàn (2013), Giáo trình Quản trị học, NXB Lao động. 3. Trương Đức Lực (2011), Giáo trình quản trị tác nghiệp, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.
24	Quản trị nguồn nhân lực	1. Mai Thanh Lan, Nguyễn Thị Minh Nhân (2016), Giáo trình quản trị nhân lực căn bản, NXB Thống kê. 2. Nguyễn Ngọc Quân (2012), Quản trị nhân lực, NXB Đại học kinh tế quốc dân. 3. Trần Kim Dung (2016), Quản trị nguồn nhân lực, NXB kinh tế TPHCM.
25	Quản trị tài chính	1. Nguyễn Hoàn (2013), Giáo trình Tài chính doanh

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
		nghiệp, NXB Lao động. 2. Vũ Văn Ninh, Bùi Văn Vân (2015), Giáo trình Tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính. 3. Nguyễn Trung Trực (2015), Quản trị tài chính, NXB Kinh Tế TP HCM .
26	Quản trị dự án đầu tư	1. Từ Quang Phương (2014), Quản lý dự án, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Nguyễn Bạch Nguyệt (2013), Lập dự án đầu tư, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân
27	Kinh doanh quốc tế	1. Phạm Thị Hồng Yến (2012), Giáo trình kinh doanh quốc tế, NXB Thống kê. 2. Ngô Kim Thanh (2015), Quản trị chiến lược, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 3. Phạm Duy Liên (2012), Giáo trình giáo dịch thương mại quốc tế, NXB Thống kê.
28	Hệ thống thông tin quản lý	Trần Thị Song Minh (2012), Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
29	Hệ thống kiểm soát nội bộ	1. Nguyễn Viết Lợi, Đậu Ngọc Châu (2013), Lý thuyết kiểm toán, NXB Tài chính. 2. Nguyễn Quang Quỳnh (2014), Kiểm toán tài chính, NXB Đại học kinh tế quốc dân. 3. Leonard J (2012), Business & Professional Ethics for Directors, Execcutives & Accountants, South-Western.
30	Kỹ năng quản trị	1. Ngô Kim Thanh (2012), Giáo trình Kỹ năng quản trị, NXB ĐH Kinh tế quốc dân. 2. Trình Quốc Trung (2012), Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, NXB Lao động xã hội.
31	Kế toán tài chính	1. Nguyễn Hoàn (2016), Giáo trình Kế toán tài chính, NXB Tài chính. 2. Đặng Thị Loan (2013), Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 3. Phan Đức Dũng (2014), Bài tập và bài giải Kế toán tài chính, NXB lao động – xã hội.
33	Kiến tập	1. Nguyễn Hoàn (2013), Quản trị học, NXB Lao động. 2. Trần Minh Đạo (2012), Marketing căn bản, NXB ĐH Kinh tế quốc dân. 3. Nguyễn Hữu Tài (2012), Lý thuyết tài chính tiền tệ, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
34	Thực hành nghề nghiệp,	Nguyễn Hoàn (2013), Quản trị học, NXB Lao động. 2. Nguyễn Ngọc Huyền (2014), Quản trị kinh doanh: Tập 1, ĐH KT quốc dân. 3. Nguyễn Thành Độ (2012), <i>Quản trị kinh doanh</i> , NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
35	Thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp	1. Nguyễn Ngọc Huyền (2016), Quản trị kinh doanh: Tập 1, ĐH KT quốc dân.
36	Quản lý Nhà nước về đất đai và bất động sản	1. Nguyễn Hữu Hải (2014), Đại cương quản lý Nhà nước, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. 2. Đỗ Hậu (2015), Quản lý đất đai và bất động sản đô thị, NXB Xây dựng.
37	Quy hoạch sử dụng đất	(1) Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Phạm Anh Tuấn (2016), Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất bền vững, NXB Tài nguyên môi trường và Bản đồ Việt Nam. (2) Đoàn Công Quý (2006), Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất, NXBNông nghiệp.
38	Quản lý khu đô thị	1. Phạm Trọng Mạnh (2013), Giáo trình quản lý đô thị, NXB Xây dựng. 2. Nguyễn Tổ Lăng, (2017), Quản lý môi trường đô thị ở các nước đang phát triển, NXB Xây dựng.
39	Kiến trúc đô thị và cảnh quan	1. Hàn Tất Ngạn (2014), Kiến trúc cảnh quan, NXB Xây dựng.
40	Đăng ký, thống kê đất đai và bất động sản	1. T.S. Thái Thị Quỳnh Như, Th.S. Vũ Lệ Hà (2013), Giáo trình đăng ký và thống kê đất đai, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. 2. TS. Nguyễn Thị Hải Yến (2013), Giáo trình Đăng ký đất đai, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. 3. Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2015), Luật đất đai năm 2013, NXB Lao Động.
41	Quản lý điều hành sàn giao dịch và môi giới bất động sản	1. Nguyễn Thị Huyền (2011), Giáo trình Luật kinh doanh bất động sản, Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. 2. Thái Trí Dũng (2012), Giáo trình tâm lý học quản trị kinh doanh, NXB Lao động – Xã hội.
42	Kinh doanh bất động sản	1. Trịnh Hữu Liên (2013), Thị trường bất động sản, Trường đại học tài nguyên và môi trường Hà Nội. 2. Nguyễn Ngọc Huyền, (2016), Giáo trình quản trị kinh doanh, Tập 1, NXB Đại học kinh tế quốc dân. 3. Ngô Kim Thanh (2012), Quản trị chiến lược, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
43	Thị trường bất động sản	1. Trịnh Hữu Liên (2013), Giáo trình thị trường bất động sản, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
44	Tổ chức thi công xây dựng	1. Bộ Xây Dựng (2012), Giáo trình tổ chức thi công xây dựng, NXB Xây dựng. 2. Lê Hồng Thái (2016), Tổ chức thi công xây dựng, NXB Xây Dựng.

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
		3. Phạm Quang Hạnh (2016), Công tác trắc địa trong thi công nhà cao tầng, NXB Đại học Tài nguyên môi trường.
45	Khởi sự và tái lập doanh nghiệp	1. Nguyễn Ngọc Huyền (2012), Giáo trình Khởi sự kinh doanh, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
		2. Lưu Đan Thọ (2016), Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh, NXB Tài chính.
46	Quản trị chất lượng	1. Nguyễn Đình Phan (2012), Giáo trình Quản trị chất lượng, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
		2. Nguyễn Văn Chiên (2014), Quản lý chất lượng sản xuất ở Việt Nam, NXB Khoa học và Kỹ Thuật
47	Phân tích kinh doanh	1. Nguyễn Văn Công (2013), Giáo trình phân tích kinh doanh, NXB đại học kinh tế quốc dân
		2. Phạm Văn Dược (2013), Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh
		3. Nguyễn Năng Phúc (2011), Giáo trình phân tích Báo cáo tài chính, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
48	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	1. Ngô Huy Cương (2013), Giáo trình luật hợp đồng – Phần chung, NXB ĐH Quốc Gia.
		2. Lương Đức Cường (2013), Các mẫu hợp đồng thông dụng mới nhất dùng trong doanh nghiệp, NXB Kinh tế quốc dân.
49	Quản trị sự thay đổi	1. Allan afuah (2012), Quản trị quá trình đổi mới và sáng tạo, NXB. Đại học kinh tế quốc dân.
		2. Ngô Kim Thanh (2013), Giáo trình Quản trị chiến lược, NXB. Đại học kinh tế quốc dân.
		3. Nguyễn Hoàn (2013), Giáo trình Quản trị học, NXB Lao động.
50	Quản trị công nghệ	1. Bộ môn Quản lý công nghệ (2013), Quản lý công nghệ, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
		2. Nguyễn Hoàn (2013), Giáo trình Quản trị học, NXB Lao động
51	Quản trị văn phòng	1. Nguyễn Thành Độ (2012), Giáo trình Quản trị văn phòng, NXB Lao động – Xã hội.
52	Quản trị chuỗi cung ứng	1. Nguyễn Thành Hiếu (2015), Quản trị chuỗi cung ứng, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
		2. Lê Công Hoa (2012), Giáo trình quản trị hậu cần, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
53	Quản trị rủi ro	1. Nguyễn Minh Kiều (2014), Quản trị rủi ro tài chính, NXB Tài chính.
		2. Phan Thị Thu Hà (2019), Quản trị rủi ro, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
54	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và	1. Vũ Cao Đàm (2014), Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Khoa học và kỹ thuật.

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
	kinh doanh	2. Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh (2012), Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, NXB Tài chính. 3. Nguyễn Văn Thắng (2014), Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
55	Tiếng anh ngành Quản trị kinh doanh	1. John Rogers (2012), Pre - intermediate Market leader, Ft publishing. 2. Ian MacKenzie (2010), English for Business Studies, Cambridge University Press.
56	Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh	1. Thái Trí Dũng (2012), Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh, NXB Lao động xã hội. 2. Nguyễn Văn Đồng (2012), Giáo trình Tâm lý học giao tiếp, NXB Chính trị- Hành chính. 3. Nguyễn Hữu Thân (2012), Truyền thông giao tiếp trong kinh doanh, NXB Tổng hợp TP.HCM.
57	Kinh tế tài nguyên biển	1. Nguyễn Hoàn, Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Tân Huyền, (2017), <i>Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi trường</i> , Nhà xuất bản tài chính 2. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i> , NXB Tài chính. 3. Lê Đức Tố, Hoàng Trọng Lập, Trần Công Trục, Nguyễn Quang Vinh (2005), <i>Quản lý biển</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
58	Kinh tế tài nguyên và môi trường	1. TS. Nguyễn Hoàn, ThS. Phạm Thị Bích Thủy, ThS. Nguyễn Tân Huyền, (2017), <i>Kinh tế tài nguyên và môi trường</i> , Nhà xuất bản Tài chính. 2. Nguyễn Thế Chinh (2011), <i>Kinh tế và Quản lý môi trường</i> , Nhà xuất bản Thống kê. 3. Nguyễn Mậu Dũng (2010), <i>Kinh tế môi trường</i> , Nhà xuất bản Tài chính.
59	Kinh tế đầu tư	1. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt, PGS.TS Từ Quang Phương (2010), <i>Giáo trình Kinh đầu tư</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. 2. TS. Đỗ Phú Trần Tình (2009), <i>Giáo trình Lập và Thẩm định dự án đầu tư</i> , NXB Giao thông vận tải. 3. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), <i>Giáo trình Lập dự án đầu tư</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân.
60	Kinh tế phát triển	1. Phạm Ngọc Linh (2013), <i>Kinh tế phát triển</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. 2. Đinh Văn Hải (2014), <i>Kinh tế phát triển</i> , NXB Tài chính.
61	Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp	1. Nguyễn Mạnh Quân (2015), <i>Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Dương Thị Liễu (2013), <i>Văn hóa kinh doanh</i> , NXB

STT	TÊN HỌC PHẦN	TÀI LIỆU CHÍNH
		Đại học Kinh tế quốc dân.
62	Thương mại điện tử	1. Trần Văn Hòe (2015), <i>Thương mại điện tử căn bản</i> , Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Nguyễn Văn Hồng (2012), <i>Thương mại điện tử căn bản</i> , NXB Hồng Đức.
63	Tin học ứng dụng	1. PGS.TS Ngô Thị Thuận (2010), <i>Giáo trình tin học ứng dụng</i> , Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội 2 PGS.TS Hàn Viết Thuận (2009), <i>Giáo trình tin học ứng dụng</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
64	Phân tích định lượng	1. PGS.TS Phạm Đình Phùng (2012), <i>Giáo trình Mô hình toán kinh tế</i> , NXB Tài chính. 2. PGS.TS Nguyễn Quang Dong (2012), <i>Giáo trình Kinh tế lượng</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân. 3. Lê Đình Thúy (2010), <i>Toán cao cấp cho các nhà kinh tế</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân.
65	Đầu tư và tài chính bất động sản	1. Trịnh Hữu Liên (2013), <i>Giáo trình định giá bất động sản</i> , NXB Nông nghiệp. 2. Nguyễn Ngọc Vinh, Nguyễn Quỳnh Hoa (2014), <i>Giáo trình thẩm định giá trị bất động sản</i> , NXB Lao động xã hội.
66	Quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản	1. Nguyễn Thành Độ (2012), <i>Quản trị kinh doanh: Nguyên lý chung cho các loại hình kinh doanh</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Luật Kinh doanh bất động sản, (2013), NXB Lao động

4.6.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Chức vụ
		Học hàm/ học vị	Chuyên ngành TN	
1	Nguyễn Hoàn	Tiến sĩ	Kế toán	Trưởng khoa Kinh tế TN&MT, trưởng bộ môn kế toán
2	Hoàng Đình Hương	Tiến sĩ	Kế toán, Quản trị kinh doanh	Phó trưởng khoa Kinh tế TN&MT

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Chức vụ
		Học hàm/ học vị	Chuyên ngành TN	
3	Nguyễn Ngọc Thanh	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Kinh tế học	Giảng viên
4	Phan Thị Minh Lý	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Khoa học quản lý, Kế toán	Giảng viên
5	Vũ Thị Ánh Tuyết	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Giảng viên
6	Đào Thị Thương	Thạc sĩ	Thương mại	Giảng viên
7	Phạm Thị Ngoan	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Giảng viên
8	Ngô Thị Duyên	Thạc sĩ	Thương mại	Giảng viên
9	Trần Minh Nguyệt	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực Kinh tế	Phó trưởng khoa Kinh tế TN&MT
10	Tạ Thị Bẩy	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Giảng viên
11	Hà Thị Thanh Thủy	Tiến sĩ	Kinh tế	Trưởng bộ môn Kinh tế TNTN
12	Nguyễn Kiều Hoa	Thạc sĩ	Kế toán	Giảng viên
13	Nguyễn Thị Thu Trang	Thạc sĩ	Kế toán	Giảng viên
14	Đào Thị Thanh Thúy	Thạc sĩ	Kế toán	Giảng viên
15	Nguyễn Thị Diệu Linh	Thạc sĩ	Kế toán	Giảng viên
16	Nguyễn Quỳnh Châm	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Giảng viên
17	Vũ Thị Thảo	Thạc sĩ	Quản trị nhân lực	Giảng viên
18	Đỗ Thị Dinh	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	Trưởng bộ môn kinh tế học
19	Bùi Thị Thu	Tiến sĩ	Marketing	Trưởng bộ môn Quản trị kinh doanh
20	Nguyễn Danh Nam	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Giảng viên

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Chức vụ
		Học hàm/ học vị	Chuyên ngành TN	
21	Vũ Thúy Hà	Tiến sĩ	Kinh tế	Giảng viên
22	Giáp Minh Nguyệt Ánh	Thạc sĩ	Kế toán	Giảng viên
23	Trần Thị Dung	Thạc sĩ	Kế toán	Giảng viên
24	Đỗ Thị Phương	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Giảng viên
25	Nguyễn Thị Thanh Mai	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	P. Trưởng bộ môn quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
26	Nguyễn Thị Thu Hường	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Giảng viên
27	Nguyễn Văn Dung	Thạc sĩ	Kinh tế	Giảng viên
28	Phan Thị Yến	Thạc sĩ	Kinh tế	Giảng viên
29	Chu Lâm Sơn	Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại	Giảng viên
30	Bùi Phương Nhung	Thạc sĩ	Kinh tế	Giảng viên
31	Lê Thị Thùy Dung	Tiến sĩ	Triết học	Phó trưởng khoa
32	Trần Lệ Thu	Tiến sĩ	Luật	Phó trưởng khoa
33	Vũ Thị Mạc Dung	Tiến sĩ	Lịch sử	Trưởng bộ môn
34	Lê Ngọc Anh	Tiến sĩ	Hóa học	Trưởng bộ môn
35	Nguyễn Gia Thọ	Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	Giảng viên
36	Khuất Thị Nga	Thạc sĩ	Triết học	Giảng viên
37	Nguyễn Thị Quý	Thạc sĩ	Lịch sử	Giảng viên
38	Mai Ngọc Diệu	Thạc sĩ	Toán học	Giảng viên
39	Nguyễn Ngọc Linh	Thạc sĩ	Toán học	Giảng viên
40	Nguyễn Thị Na	Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Giảng viên
41	Phạm Thị Hồng Quế	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Giảng viên

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Chức vụ
		Học hàm/ học vị	Chuyên ngành TN	
42	Lê Thị Hương	Thạc sỹ	Toán tin	Giảng viên
43	Đoàn Thị Thanh Huyền	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên
44	Hoàng Diệu Thảo	Thạc sỹ	Chính trị học	Giảng viên
45	Nguyễn Tiến Dũng	Cử nhân	Sư phạm Toán	Giảng viên
46	Nguyễn Tài Hoa	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên
47	Nguyễn Thị Bích	Thạc sỹ	Luật kinh tế	Giảng viên
48	Đỗ Thị Ngân	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Giảng viên
49	Đinh Thị Như Trang	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Giảng viên
50	Nguyễn Thị Huyền Thư	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên
51	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thạc sỹ	Dạy Tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác	Giảng viên
52	Đặng Thị Khánh Linh	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
53	Hoàng Thị Ngọc Minh	Thạc sỹ	Hồ Chí Minh học	Giảng viên
54	Đàm Thanh Tuấn	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên
55	Lê Thị Vui	Thạc sỹ	Khoa học máy tính	Giảng viên
56	Lê Xuân Tú	Thạc sỹ	Lịch sử	Giảng viên
57	Nguyễn Thị Liên	Thạc sỹ	Lịch sử	Giảng viên
58	Nguyễn Thị Nguyệt	Thạc sỹ	Lịch sử	Giảng viên
59	Phùng Thị Bích Hằng	Thạc sỹ	Sử học	Giảng viên
60	Đỗ Minh Anh	Thạc sỹ	Triết học	Giảng viên
61	Lê Thanh Thủy	Thạc sỹ	Triết học	Giảng viên
62	Ngô Quang Duy	Thạc sỹ	Triết học	Giảng viên
63	Trần Thị Hương	Thạc sỹ	Hệ thống thông tin	Giảng viên
64	Vũ Thị Kim Oanh	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Giảng viên
65	Nguyễn Thị Hồng	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin	Phó trưởng bộ

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Chức vụ
		Học hàm/ học vị	Chuyên ngành TN	
	Loan			môn
66	Hoàng Thị Tuyết Nhung	Thạc sỹ	Giảng dạy tiếng anh cho người nước ngoài	Giảng viên
67	Phùng Thị Kim Yến	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên
68	Bùi Thị Thu Hường	Thạc sỹ	Luật kinh tế	Giảng viên
69	Nguyễn Đình Tuấn Lê	Thạc sỹ	Hồ Chí Minh học	Giảng viên
70	Nguyễn Thị Hiền	Thạc sỹ	Quản lý kinh tế	Giảng viên
71	Nguyễn Thị Trang	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên
72	Phạm Thị Hương	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
73	Phạm Thị Linh	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Giảng viên
74	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan	Thạc sỹ	Luật học	Giảng viên
75	Trương Thị Hường	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên
76	Vũ Thị Thanh Thủy	Thạc sỹ	Hồ Chí Minh học	Giảng viên
77	Ngô Thị Kiều Trang	Tiến sỹ	Kiểm toán	Trưởng bộ môn kiểm toán
78	Nguyễn Thị Mai Anh	Tiến sỹ	Kế toán	Giảng viên
79	Phạm Huy Hùng	Thạc sỹ	Kiểm toán	Giảng viên
80	Nguyễn Khánh Ly	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
81	Trần Thị Thu Trang	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
82	Nguyễn Thị Hiền	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
83	Đỗ Thị Ngọc Thúy	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
84	Đào Hồng Vân	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
85	Đặng Thị Hiền	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
86	Đỗ Diệu Linh	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
87	Đỗ Đức Dương	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
88	Phạm Thị Ngoan	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh	Giảng viên

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Chức vụ
		Học hàm/ học vị	Chuyên ngành TN	
89	Tổng Thị Thu Hòa	Thạc sỹ	TCDN	Giảng viên
90	Nguyễn Thị Thu Hà	Tiến sỹ	Kinh tế	Giảng viên
91	Nhữ Thị Hà Giang	Thạc sỹ	TCNH	Giảng viên
92	Vũ Thị Nhung	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
93	Lê Thị Bích Lan	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
94	Trần Thu Hằng	Thạc sỹ	TCDN	Giảng viên
95	Vũ Thị Hoàng Yến	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên
96	Phạm Thị Lam	Thạc sỹ	TCNH	Giảng viên

4.7. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 50÷80 giờ thực tập, tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).

- Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ (Trừ học kỳ cuối khóa) là không dưới 14TC đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường và 10÷14TC đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập của chương trình.

- Lưu ý khi sắp xếp lịch học thực hành, thực tập giữa các học phần trong cùng một học kỳ phải so le nhau, tránh chồng chéo.

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TS. Vũ Danh Tuyên

TS. Nguyễn Hoàn

